



Animal Care Standards

Certified Humane®

Humane Farm Animal Care (HFAC)

Tiêu chuẩn chăn nuôi động vật trang trại nhân đạo

Certified Humane®

Tổ chức đối xử nhân đạo với động vật trang trại (HFAC)

GÀ ĐẼ TRỨNG v2

Phiên bản 21

EGG LAYING HENS

HUMANE FARM ANIMAL CARE (HFAC)

HFAC là tổ chức phi lợi nhuận với nhiệm vụ cải thiện môi trường sống của động vật trang trại bằng cách đưa ra các tiêu chuẩn chăn nuôi khả thi, đáng tin cậy và được giám sát hợp lệ để đảm bảo chăn nuôi có nhân đạo và người tiêu dùng được sử dụng các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn này.

HFAC được thành lập bởi một nhóm các tổ chức bảo vệ động vật, nhiều cá nhân và các quỹ từ thiện.

HFAC được phát triển để đưa ra bộ tiêu chuẩn phê duyệt quá trình nuôi, chăm sóc, vận chuyển và giết mổ gà để trứng theo chương trình Certified Humane® (Khi bạn nhìn thấy logo Certified Humane®, khi đó chúng ta sẽ chắc chắn rằng nguồn thực phẩm đó được sản xuất, chăn nuôi, chăm sóc, và giết mổ có nhân đạo đảm bảo phúc lợi vật nuôi – Nguồn tham khảo: <https://certifiedhumane.org>). Những tiêu chuẩn này dựa trên những nghiên cứu khoa học, sự tư vấn của chuyên gia thú y và kinh nghiệm thực tế của người chăn nuôi. Các tiêu chuẩn được dựa theo hướng dẫn của Hiệp hội Hoàng gia về Phòng chống Hành vi Tàn ác đối với Động vật (RSPCA – Royal Society for the Prevention of Cruelty to animals), thông tin khoa học hiện tại, các tiêu chuẩn thực hành thực tế và các hướng dẫn chăm sóc vật nuôi đã được ban hành.

Phúc lợi vật nuôi được cải thiện khi các nhà quản lý chăn nuôi tuân thủ những điều khoản sau:

- Cung cấp thức ăn lành mạnh và bổ dưỡng
- Thiết kế môi trường sống phù hợp cho vật nuôi
- Lập kế hoạch quản lý và chăm sóc có trách nhiệm
- Tận tâm và hiểu biết các kỹ năng chăm sóc vật nuôi
- Cẩn thận, chu đáo trong việc đối xử, vận chuyển và giết mổ vật nuôi

UỶ BAN CỐ VẤN KHOA HỌC CỦA HFAC

Các nhà khoa học, chuyên gia thú y và các nhà sản xuất hàng đầu làm việc với HFAC với mục tiêu phát triển các tiêu chuẩn chăm sóc động vật đảm bảo chăn nuôi nhân đạo và hợp tác liên tục với HFAC để đánh giá lại cũng như cải thiện các quy trình chăm sóc giúp nâng cao chất lượng sống của động vật trang trại.

<i>Kenneth E. Anderson, PhD</i>	North Carolina State University, USA
<i>Michael Appleby, PhD</i>	World Animal Protection, USA
<i>Richard Blatchford, PhD</i>	University of California, Davis, USA
<i>Elisabetta Canali, PhD</i>	Università degli Studi, Milan, Italy
<i>Sylvie Cloutier, PhD</i>	Associate Director of Assessment, Canadian Council on Animal Care, Ottawa, Canada
<i>Brenda Coe, PhD</i>	Pennsylvania State University, USA
<i>Hans Coetzee, PhD</i>	Iowa State University, USA
<i>Luiz Dematte, DVM, PhD</i>	Industrial Director of Korin Ltd, and General Coordinator of Mokiti Okada Foundation, Brazil
<i>Inma Estéves, PhD</i>	Research Professor, Neiker-Tecnalia University, Spain
<i>Anne Fanatico, PhD</i>	Appalachian State University, USA
<i>Valentina Ferrante, PhD</i>	University of Milan, Italy
<i>Trent Gilbery, MS</i>	North Dakota State University, USA
<i>Alan Goldberg, PhD</i>	The Johns Hopkins University, USA
<i>Temple Grandin, PhD</i>	Colorado State University, USA
<i>Thomas G. Hartsock, PhD</i>	University of Maryland, USA
<i>Jörg Hartung, DVM</i>	Institute of Animal Hygiene, Welfare and Farm Animal Behavior Uni- versity of Veterinary Medicine, Hanover, Germany
<i>Brittany Howell, PhD</i>	Fort Hays State University, USA
<i>Pam Hullinger, DVM, MPVM</i>	University of California Lawrence Livermore National Laboratory, USA
<i>Joy Mench, PhD</i>	University of California, Davis, USA
<i>Suzanne Millman, PhD</i>	Iowa State University College of Veterinary Medicine, USA
<i>Malcolm Mitchell, PhD</i>	SRUC, Scotland's Rural College, Scotland
<i>Priya Motupalli, PhD</i>	IKEA Food Global Sustainable Sourcing Specialist, Sweden
<i>Ruth Newberry, PhD</i>	Associate Professor, Norwegian University of Life Sciences; Adjunct Professor, Washington State University, USA
<i>Abdullah Ozen, PhD</i>	Professor, Firat University, Elazig, Turkey
<i>Edmond Pajor, PhD</i>	University of Calgary, Alberta, Canada

<i>Jose Peralta, PhD, DVM</i>	Western University of Health Science, College of Veterinary Medicine, Pomona California, USA
<i>Rosangela Poletto, DVM, PhD</i>	Professor, Instituto Federal do Rio Grande do Sul, Brazil
<i>Martin Potter, PhD</i>	Animal Welfare Consultant, Member of FAWT, UK and Advising Member of EIG, UK
<i>Mohan Raj, PhD</i>	Honorary Visiting Fellow, School of Veterinary Sciences, Bristol University, Bristol, UK
<i>Jean-Loup Rault, PhD</i>	Institute of Animal Husbandry and Animal Welfare at Vetmeduni, Vienna, Austria
<i>Karen Schwean-Lardner, PhD</i>	University of Saskatchewan, Canada
<i>J.K. Shearer, PhD</i>	Iowa State University, USA
<i>Marilyn M. Simunich, DVM</i>	Director, Animal Health Laboratory, Division of Animal Industries, Idaho State Dept. of Agriculture, USA
<i>Carolyn Stull, PhD</i>	Chairman, Scientific Committee University of California, Davis, USA
<i>Janice Swanson, PhD</i>	Michigan State University, USA
<i>William VanDresser, DVM</i>	Retired Extension Veterinarian, USA
<i>Andreia De Paula Vieira, DVM, PhD</i>	Animal Welfare Scientist, Universidade de São Paulo, Brazil
<i>Daniel M. Weary, PhD</i>	Professor and NSERC Industrial Research Chair, Animal Welfare Program, University of British Columbia, Canada
<i>Julia Wrathall, PhD</i>	Director, Farm Animals Division, RSPCA, West Sussex, UK
<i>Adroaldo Zanella, PhD</i>	Professor, Dept. Medicina Veterinária Preventiva e Saúde Animal / FMVZ Universidade de São Paulo, Pirassununga/SP, Brazil

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: LỜI MỞ ĐẦU	1
A. Nhãn hiệu chứng chỉ Certified Humane®	1
B. Hướng dẫn sử dụng Bộ Tiêu chuẩn chăm sóc vật nuôi.....	1
CHƯƠNG 2: THỨC ĂN VÀ NƯỚC UỐNG	2
A. Thức ăn.....	2
FW 1: Thức ăn lành mạnh, bổ dưỡng	2
FW 2: Tự do tiếp cận nguồn thức ăn	2
FW 3: Theo dõi sử dụng thức ăn cho đàn.....	2
FW 4: Chất cấm trong thức ăn.....	2
FW 5: Thức ăn đảm bảo tươi mới.....	2
FW 6: Dễ dàng tiếp cận nguồn thức ăn	2
FW 7: Vị trí nguồn thức ăn và các máng nước.....	3
B. Nước	3
FW 8: Cung cấp nước.....	3
FW 9: Số lượng máng uống nước phải cung cấp theo quy định.....	3
FW 10: Vị trí và thiết kế máng uống nước.....	3
FW 11: Cung cấp nước trong tình huống khẩn cấp	3
CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI	4
A. Chuồng trại	4
E 1: Bảng ghi chép thông số của trại có liên quan đến phục vụ phúc lợi động vật.....	4
E 2: Thiết kế cơ sở nhà trại	4
E 3: Ngăn chặn tiếp xúc với các chất độc hại trong chuồng trại	4
E 4: Cài đặt và lắp hệ thống điện	4
E 5: Thiết kế nhà trại và trang thiết bị	4
E.6: Không được để gà tiếp xúc với hố phân	5
E 7: Khu vực xung quanh nhà trại.....	5
B. Nền sàn và chất đệm chuồng.....	5
E 8: Thiết kế nền chuồng	5
E 9: Chất đệm chuồng.....	5
E 10: Diện tích khu vực đệm chuồng	6
E 11: Bảo quản chất đệm chuồng	6
E 12: Lưu trữ chất đệm chuồng	6
E 13: Hiểu biết tầm quan trọng của chất đệm chuồng	6
E 14: Dây điện trên lớp chất đệm hay mắc ngang qua lớp chất đệm đều bị cấm.....	6
C. Hệ thống chiếu sáng	7
E 15: Thời gian chiếu sáng	7
E 16: Ghi chép lưu trữ thông tin về thời gian chiếu sáng	7
E 17: Cường độ chiếu sáng	7
D. Quy định về không gian	7
E 18: Tự do di chuyển và cử động.....	7
E 19: Mật độ nuôi	7
E 20: Mật độ nuôi gà hậu bị.....	8
E 21: Ghi chép và lưu trữ quy định không gian chuồng nuôi.....	8
E. Chất lượng không khí và nhiệt độ chuồng nuôi.....	9
E 22: Chất lượng không khí.....	9
E 23: Thông gió	9
E 24: Nhiệt độ	9

F. Quy định về ổ đẻ	9
E 25: Số lượng ổ đẻ.....	9
E 26: Vật liệu lót ổ đẻ	9
G. Sào đậu.....	10
E 27: Sào đậu – cần thiết cho gà vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày	10
E 28: Các loại sào đậu	10
E 29: Thiết kế sào đậu.....	10
H. Hệ thống chuồng nhiều tầng (Aviary)	11
E 30: Kiểm tra	11
E 31: Di chuyển của công nhân trong khu vực chuồng nuôi.....	11
E 32: Sự di chuyển giữa các tầng	11
E 33: Thiết kế Hệ thống	11
E 34: Tiếp xúc với Chất độn chuồng	11
CHƯƠNG 4: CÁC TIÊU CHUẨN VỀ CHĂN NUÔI GÀ TRÊN ĐỒNG CỎ VÀ NUÔI GÀ CHĂN THẢ TỰ DO ...	12
A. Hệ thống Chăn nuôi gà trên đồng cỏ.....	12
R 1: Khu vực chăn nuôi trên đồng cỏ.....	12
R 2: Chuồng nuôi	13
B. Chăn nuôi gà trên đồng cỏ theo mùa	14
C. Hệ thống nuôi thả tự do	14
R 3: Phạm vi thả	14
R 4: Chuồng nuôi	15
CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ.....	16
A. Người quản lý	16
M 1: Sự am hiểu các quy định trong bộ tiêu chuẩn.....	16
M 2: Các hoạt động quản lý và lưu trữ thông tin	16
M 3: Trình độ, năng lực công nhân.....	17
M 4: Quy trình khiếu nại/ phản hồi với chủ trại/ người quản lý.....	17
B. Người chăm sóc	17
M 5: Các thực hành để giảm thiểu vấn đề.....	17
M 6: Nhận thức về các vấn đề phúc lợi	17
M 7: Đào tạo.....	17
M 8: Đối xử bằng tình thương và sự quan tâm	18
C. Kiểm duyệt.....	18
M 9: Giám sát	18
M 10: Hồ sơ gia cầm bị bệnh, bị thương và chết.....	18
M 11: Đảm bảo đi lại trong yên lặng khi chăm sóc vật nuôi.....	18
D. Trang thiết bị	19
M 12: Trang thiết bị.....	19
M 13: Hệ thống thông gió tự động.....	19
M 14: Nguồn điện dự phòng	19
M 15: Sử dụng thiết bị.....	19
E. Côn trùng và động vật săn mồi	19
M 16: Bảo vệ khỏi côn trùng và các loài động vật săn mồi.....	19
M 17: Giám sát động vật gặm nhấm và ruồi	20
F. Vệ sinh và khử trùng.....	20
M 18: Vệ sinh và khử trùng trước khi nhập gà	20
CHƯƠNG 6: SỨC KHỎE	21

A. Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe vật nuôi	21
H 1: Kế hoạch quản lý sức khỏe đàn gà	21
H 2: Giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm.....	21
H 3: Ngăn ngừa thương tích lặp đi lặp lại.....	21
H 4: Thông tin sinh trưởng đàn gà.....	21
H 5: Chăm sóc gà bị bệnh và bị thương.....	22
H 6: Các quy trình can thiệp vật lý.....	22
H 7: Nghiêm cấm sử dụng các thiết bị để ngăn chặn hiện tượng cắn mổ nhau:.....	22
H 8: Chọn giống gà có sức khỏe tốt	22
H 9: Nghiêm cấm việc sử dụng giống gà biến đổi gen hoặc nhân giống vô tính.....	22
H 10: Nghiêm cấm hành động rút thức ăn để gà thay lông.....	22
B. Giết mổ nhân đạo	23
H 11: Trợ tử	23
H 12: Xử lý xác gia cầm chết	23
CHƯƠNG 7: VẬN CHUYỂN	24
T1. Quy trình thải đàn	24
NGUỒN THAM KHẢO	25
Phụ lục 1	27
Phụ Lục 2.....	30
Phụ Lục 3.....	32
Phụ Lục 4.....	33

CHƯƠNG 1: LỜI MỞ ĐẦU

A. Nhân hiệu chứng chỉ Certified Humane®

Chương trình Certified Humane® được phát triển để chứng nhận sản phẩm từ động vật nuôi tuân thủ các tiêu chuẩn này. Sau khi thỏa mãn các yêu cầu đăng ký và kiểm tra, nông dân/chủ trang trại sẽ được cấp chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn chăn nuôi nhân đạo có Logo Certified Humane®. Những nhà sản xuất tham gia chương trình chăn nuôi nhân đạo này sẽ được HFAC kiểm tra và giám sát chặt chẽ về quy trình chăm sóc động vật hàng năm. Các khoản phí phải trả gồm chi phí đánh giá, kiểm tra và vận hành các chương trình quảng bá cổ sù để quảng bá sản phẩm của các nhà sản xuất có chứng chỉ Certified Humane®.

B. Hướng dẫn sử dụng Bộ Tiêu chuẩn chăm sóc vật nuôi

- Các mục tiêu chính của Tiêu chuẩn được mô tả ở đầu mỗi phần. Những mục tiêu này phải rõ ràng.
- Các yêu cầu được đánh số là các tiêu chuẩn phải được tuân thủ nghiêm túc.
- Các tiêu chuẩn này được viết cho các vùng địa lý và khí hậu và hệ thống chăn nuôi khác nhau. Do đó, không phải tất cả các phần trong Tiêu chuẩn này sẽ áp dụng cho từng trại.
- Các phần đóng khung cung cấp thông tin bổ sung hoặc có thể làm nổi bật các tiêu chuẩn mà sẽ được xem xét trong tương lai.
- Người chăn nuôi cũng phải tuân thủ quy định của từng địa phương, tỉnh, thành phố đối với việc chăn nuôi gà lấy trứng và chăn nuôi gia cầm nói chung đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và cung cấp sản phẩm đạt tiêu chuẩn kiểm định thú ý tại địa phương đó.

CHƯƠNG 2: THỨC ĂN VÀ NƯỚC UỐNG

MỤC TIÊU: Gà mái phải được cung cấp nước ngọt sạch và khẩu phần ăn đầy đủ để đảm bảo duy trì sức khỏe và trạng thái tinh thần tích cực, thoải mái. Thức ăn và nước uống phải được phân bố đều để gà có thể ăn và uống mà không tranh giành lẫn nhau.

A. Thức ăn

FW 1: Thức ăn lành mạnh, bổ dưỡng

Gà mái phải được cung cấp chế độ khẩu phần ăn lành mạnh đó là:

- Phù hợp với độ tuổi, giai đoạn sản xuất và giống loại; hoặc theo khuyến nghị Hội đồng nghiên cứu Quốc gia (National Research Council) về thức ăn chăn nuôi và thức ăn hỗn hợp cho gà, và khuyến nghị cho từng khu vực địa lý;
- Cho ăn với định lượng phù hợp để duy trì sức khỏe tốt;
- Khẩu phần ăn đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của gà mái; và
- Hàng ngày, gà mái phải được cung cấp nguồn canxi thô để hỗ trợ sự phát triển của xương và chất lượng vỏ trứng.

FW 2: Tự do tiếp cận nguồn thức ăn

- Gà mái phải được tự do tiếp cận nguồn thức ăn đủ dinh dưỡng mỗi ngày, ngoại trừ yêu cầu đặc biệt từ bác sĩ thú y.
- Không được thực hiện việc ngừng cho ăn nhằm buộc gà rụng lông trái tự nhiên

FW 3: Theo dõi sử dụng thức ăn cho đàn

- Nhà sản xuất phải có biên bản ghi chép về thành phần thức ăn và thành phần dinh dưỡng của mỗi loại thức ăn được sử dụng, theo công bố của công ty sản xuất/đơn vị cung cấp thức ăn chăn nuôi.
- Nhà sản xuất phải trình xuất sổ theo dõi ghi chép thức ăn cho HFAC trong quá trình kiểm tra và bất kỳ thời điểm nào khác nếu được yêu cầu.

FW 4: Chất cấm trong thức ăn

- Không có loại thức ăn chăn nuôi nào có chứa thành phần đạm từ gia cầm được chấp nhận, ngoại trừ trứng.
- Cấm sử dụng các chất kích thích tăng trưởng.
- Thuốc kháng sinh và các loại thuốc kháng cầu trùng Coccidiostats chỉ có thể được phép dùng cho các mục đích điều trị, chữa bệnh và bắt buộc phải được kê theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.

FW 5: Thức ăn đảm bảo tươi mới

Thức ăn không được phép tồn đọng trong máng ăn trong điều kiện không vệ sinh hoặc hết hạn sử dụng.

FW 6: Dễ dàng tiếp cận nguồn thức ăn

Nhằm chắc chắn rằng gà mái có thể dễ dàng tiếp cận với nguồn thức ăn, nhà sản xuất phải đảm bảo cung cấp cho mỗi cá thể với không gian máng ăn tối thiểu như sau:

- 5 cm (2 inch) đối với máng ăn dạng thẳng (nếu gà tiếp cận được cả 2 bên máng ăn)
- 10 cm (4 inch) máng ăn dạng thẳng (nếu gà chỉ tiếp cận được 1 bên máng ăn) hoặc;
- 4 cm (1.5 inch) tính theo chu vi đối với máng ăn dạng tròn.

FW 7: Vị trí nguồn thức ăn và các máng nước

- a. Không được để gà mái phải di chuyển quá 7.3 m (8 yard) để tiếp cận nguồn thức ăn và nước uống trong kiểu chuồng 1 tầng cũng như trong bất kỳ hệ thống chuồng trại nào khác có hơn một tầng.
- b. Cần phải đặc biệt chú ý đến việc cung cấp, phân phối thức ăn và nước trong các khu vực phục hồi/ điều trị dành cho gà mái bị bệnh, bị thương.

B. Nước

FW 8: Cung cấp nước

- a. Cung cấp đầy đủ lượng nước ngọt sạch cho gà mái thường xuyên, vào mọi thời điểm.
- b. Phải có nguồn nước uống dự phòng khi nhiệt độ xuống mức đông đặc.

Lượng thức ăn tiêu thụ sẽ giảm nếu nhiệt độ nước uống tăng lên trên 27° C (80° F) hoặc giảm xuống dưới 16° C (60° F). Giảm lượng tiêu thụ sẽ dẫn đến giảm lượng thức ăn vào - điều này có thể gây ra sự thiếu hụt các chất dinh dưỡng quan trọng. Nhiệt độ nước trên 38° C (100° F) hay dưới 10° C (50° F) không được khuyến cáo.

FW 9: Số lượng máng uống nước phải cung cấp theo quy định

1. Máng uống dạng chuồng: 1 cái/100 con
2. Máng uống núm: 1 cái/12 con
3. Máng uống dạng ống với khoảng cách không gian 1.27 cm đối với mỗi cá thể

FW 10: Vị trí và thiết kế máng uống nước

Nhằm giảm thiểu nước tràn đổ và ngăn ngừa các hậu quả và vấn đề có thể xảy ra trong quản lý phân gà, việc lắp đặt và quản lý máng uống nước cần phải:

- a. Được đặt ở độ cao tối ưu đối với kích thước và độ tuổi của gà;
- b. Được thiết kế phù hợp; và
- c. Được theo dõi, kiểm tra và duy trì thường xuyên.

FW 11: Cung cấp nước trong tình huống khẩn cấp

Một phương án cung cấp nước ngọt sạch trong khoảng thời gian kéo dài ít nhất 24 tiếng phải được chuẩn bị sẵn khi có sự cố xảy ra với hệ thống cung cấp nước chính.

CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI

MỤC TIÊU: *Môi trường chăn nuôi gà mái phải đáp ứng đầy đủ các nhu cầu phúc lợi của chúng và phải được thiết kế để bảo vệ gà mái khỏi các ảnh hưởng gây tổn hại về thể chất hay khó chịu gây ra bởi nhiệt, sự sợ hãi, lo lắng - cho phép gà mái có thể thể hiện được hành vi bản năng một cách bình thường. Trong giai đoạn huấn luyện gà hậu bị, những trại sử dụng loại chuồng lồng có thiết kế cửa phía sau chuồng nhằm thực hiện việc đóng và nhốt gà liên tục vào giờ đêm là không được chấp nhận. Đối với hệ thống chuồng tầng (aviary), tất cả gà phải được tự do tiếp xúc và sử dụng tất cả các tầng của hệ thống vào mọi thời điểm.*

A. Chuồng trại

E 1: Bảng ghi chép thông số của trại có liên quan đến phục vụ phúc lợi động vật

Mỗi trại, chuồng gà đều phải có bảng ghi chép này và cần cung cấp đầy đủ cho nhân viên HFAC, cần được cập nhật đầy đủ kịp thời nếu có thay đổi. Danh sách này phải đề cập rõ:

- Tổng diện tích sàn gà được sử dụng (**không bao gồm diện tích ổ đẻ hoặc các sào đậu khung chữ A**);
- Tổng số gà được nuôi trong mỗi dãy/ ô chuồng ở thời điểm ban đầu (khi mới chuyển đến trại);
- Tổng số máng uống nước và máng ăn hoặc tổng khoảng cách cho ăn;
- Mục tiêu về các chỉ tiêu chất lượng không khí và các thông số nhiệt độ;
- Các mức chiếu sáng cho phép và chế độ điều chỉnh; và
- Quy trình ứng phó khẩn cấp (ví dụ: ứng phó khi xảy ra hỏa hoạn, lũ lụt, hoặc khi hệ thống vận hành tự động gặp vấn đề, khi nhiệt độ nằm ở ngoài mức cho phép).

E 2: Thiết kế cơ sở nhà trại

Nhằm đảm bảo không có bất kỳ cạnh sắc nhọn nào hay điểm nhô ra có khả năng gây thương tích hoặc đau đớn cho gà, các phần cơ sở vật chất bên trong nhà trại, bao gồm cả nền chuồng nơi gà đi lại, phải:

- Được thiết kế và thi công xây dựng một cách kỹ lưỡng và cẩn thận; và
- Được giữ gìn, duy trì, bảo dưỡng tốt.

E 3: Ngăn chặn tiếp xúc với các chất độc hại trong chuồng trại

Không được phép cho gà mái tiếp xúc với khói thuốc lá, khói, sơn, chất bảo quản gỗ, chất khử trùng hoặc bất kỳ chất nào khác độc hại với chúng.

E 4: Cài đặt và lắp hệ thống điện

Tất cả hệ thống điện 3 pha phải:

- Ngoài tầm với của gà (gà mái không được phép có tiếp xúc hay tiếp cận với nguồn điện);
- Đảm bảo cách điện kỹ càng;
- Dùng các biện pháp để tránh động vật gặm nhấm làm hư hại;
- Bắt âm dưới đất; và
- Phải thường xuyên kiểm tra phòng hiện tượng điện áp không ổn định.

E 5: Thiết kế nhà trại và trang thiết bị

Nhà trại và trang thiết bị phải được thiết kế sao cho người chăm sóc có thể quan sát được toàn bộ gà mái.

Móng vuốt quá dài có khả năng gây thương tổn và ảnh hưởng tới phúc lợi của chúng. HFAC khuyến cáo lắp đặt các thiết bị mài móng phía trước máng ăn của chúng nếu móng của chúng quá dài và chưa được chăm sóc đúng cách.

E.6: Không được để gà tiếp xúc với hổ phân

Cấu trúc và bên trong của hổ phân (nơi đặt) phải được kiểm tra:

- a. Ít nhất một lần mỗi ngày;
- b. Phải ghi chép lại vào biên bản kiểm tra; và
- c. Biên bản ghi lại bất kỳ trường hợp nào tìm thấy và xử lý gà trong khu vực này cũng như biện pháp hành động để ngăn chặn gà tiếp cận khu vực này.

E 7: Khu vực xung quanh nhà trại

- a. Khu vực bên ngoài ngay sát xung quanh nhà trại phải được giữ sạch sẽ và đảm bảo không có chỗ trú ẩn cho các loài chim hoang dã hoặc động vật gặm nhấm.
- b. Nếu khu vực ngay sát xung quanh nhà trại được bao phủ bởi thực vật, yêu cầu cây cối phải thấp và được chăm nom và quản lý tốt.

B. Nền sàn và chất độn chuồng

E 8: Thiết kế nền chuồng

Thiết kế và làm nền chuồng phải đảm bảo để có thể vệ sinh và khử trùng một cách dễ dàng, hiệu quả và phải ngăn chặn được tích tụ của ổ ký sinh trùng và mầm bệnh. Nền chuồng làm bằng bê tông tốt hơn nền đất bởi có thể vệ sinh và khử trùng dễ dàng hơn.

E 9: Chất độn chuồng

- a. Gà mái phải được nằm trên hoặc được tiếp xúc hàng ngày với lớp nền/ lớp độn chuồng mềm và toi xốp.
- b. Chất độn chuồng phải:
 1. Làm từ chất liệu phù hợp và có kích thước thành phần thích hợp;
 2. Có chất lượng tốt;
 3. Luôn đảm bảo khô, toi xốp (không đóng bánh);
 4. Đủ sâu để phân gà có thể loãng ra – chân và bộ lông không bị phân dính bẩn;
 5. Cho phép gà được tắm bụi; và
 6. Hàng ngày thêm chất độn chuồng mới lên trên lớp cũ nếu cần thiết.
- c. Gà hậu bị phải được tiếp xúc thường xuyên với chất độn chuồng.

Gà mái thường tắm cát vào buổi chiều, trong khi chúng đẻ trứng vào buổi sáng. Một số vấn đề liên quan đến việc gà mái đẻ trứng trên sàn chuồng có thể được tránh bằng cách:

- 1) Giới hạn gà tiếp xúc với lớp chất độn chuồng đến buổi chiều (ví dụ: sử dụng nắp đậy các bể tắm bụi)
- 2) Tăng ánh sáng phía trên bề mặt lớp chất độn chuồng để khuyến khích gà tắm bụi và ngăn chặn việc đẻ trứng trên nền chuồng.

E 10: Diện tích khu vực độn chuồng

- a. Diện tích khu vực lớp nền/lớp độn chuồng cần phải đủ để cho phép gà có thể:
 1. Tắm bụi; và
 2. Đào bới thoải mái.
- b. Đối với các hệ thống nhà trại mà sàn sử dụng tấm lót hoặc lưới, hoạt động đào bới và tắm bụi cho gà phải được thực hiện thông qua việc bố trí, sắp xếp các khu vực có lớp chất nền/lớp chất độn chuồng **thích hợp** rải rác khắp nơi trên sàn chuồng với kích cỡ phù hợp cho phép một số lượng gà mái có thể tắm bụi cùng lúc.
- c. Khi gà mái được nuôi trong nhà theo mùa, bất kể là gà nuôi kiểu chuồng nuôi 1 tầng hay chăn thả, yêu cầu tối thiểu 15% diện tích sàn phải được lót chất độn chuồng phù hợp.

Tắm bụi là một trong những “hoạt động thư giãn” giúp gà mái rũ sạch lông và giữ lông ở trạng thái khỏe mạnh. Gà mái dùng cử động chân và cánh để “tắm bụi” các chất độn chuồng (ví dụ như mùn cưa hoặc cát) qua các lớp lông của mình, rồi sau đó rũ các chất bụi ấy đi. Giữ cho bộ lông khỏe, đẹp và ở trạng thái tốt là điều hết sức quan trọng vì nó giúp bảo vệ gà mái khỏi các thương tổn cũng như duy trì thân nhiệt

E 11: Bảo quản chất độn chuồng

- a. Lớp chất độn không được ẩm ướt hoặc bị nhiễm bọ ve, côn trùng hoặc bị ô nhiễm, nhiễm bẩn nghiêm trọng.
- b. Chất độn chuồng ướt hoặc bị ô nhiễm, bẩn không được phép sử dụng trong chuồng nuôi gà mái.
- c. Chất độn chuồng bị ướt do ngập lụt phải được thay thế ngay lập tức và việc thay thế này phải được ghi chép lại.

E 12: Lưu trữ chất độn chuồng

Chất độn chuồng mới phải được lưu giữ trong nhà, khu vực sạch đã được kiểm chứng không có bất kỳ ký sinh hay loài vật gây hại nào.

E 13: Hiểu biết tầm quan trọng của chất độn chuồng

- a. Người chăm sóc vật nuôi phải nhận thức được về các vấn đề phức tạp liên quan đến việc quản lý và xử lý chất độn chuồng không đúng cách.
- b. Người chăm sóc vật nuôi phải hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến điều kiện bảo quản chất độn chuồng như độ ẩm, hàm lượng nitơ, sự thông gió, mật độ nuôi và sự đóng bánh, vón cục chất độn chuồng.

E 14: Dây điện trên lớp chất độn hay mắc ngang qua lớp chất độn đều bị cấm

Trong trường hợp sử dụng cho mục đích huấn luyện, dây điện chỉ có thể được treo dọc theo và sát tường các chuồng nuôi trong khu vực đào bới của gà, nhưng chỉ được phép dùng vì mục đích huấn luyện và phải được tháo bỏ toàn bộ khi gà được 25 tuần tuổi.

C. Hệ thống chiếu sáng

E 15: Thời gian chiếu sáng

Trong một ngày (24 giờ), hệ thống chiếu sáng trong chuồng nuôi gà mái phải theo yêu cầu:

- Tối thiểu 8 giờ liên tục chiếu sáng (ánh sáng tự nhiên hoặc nhân tạo).
- Tối thiểu 6 giờ tối (do tắt đèn, bỏ màn cửa,.. hoặc tối tự nhiên).

E 16: Ghi chép lưu trữ thông tin về thời gian chiếu sáng

Hoạt động/ chương trình chiếu sáng trong tất cả chuồng nuôi gà phải được ghi chép lại và được trình xuất với HFAC trong quá trình thanh tra cũng như bất kỳ lúc nào khác được yêu cầu.

E 17: Cường độ chiếu sáng

- Ánh sáng ban ngày (đèn lắp cố định hay di động) đều phải đảm bảo đủ sáng để gà có thể nhìn và người chăm sóc có thể kiểm tra đàn gà được một cách dễ dàng vào mọi thời điểm.
- Nên tránh tình trạng các vệt sáng có cường độ cao (ánh sáng nhân tạo hay tự nhiên) trong chuồng nuôi.
- Giảm các mức độ chiếu sáng để kiểm soát hiện tượng cắn mổ nhau chỉ được phép dùng như một biện pháp cuối cùng.
- Không được phép sử dụng ánh sáng đơn sắc (ví dụ như ánh sáng đỏ)
- Nếu sử dụng ánh sáng nhân tạo, khi tắt cần phải tắt từ từ, từng bước. Khuyến khích sử dụng dụng cụ điều chỉnh độ sáng – cho phép gà mái chuẩn bị sẵn sàng trước khi tối (hoặc lúc tắt đèn) đi về chỗ sào đậu để nghỉ ngơi, giảm thiểu các thương tích gây ra do tối đột ngột.

Các chế độ chiếu sáng khác nhau trong môi trường chăn nuôi gà có thể khuyến khích gà thể hiện những hành động mong muốn. Ví dụ, việc tăng mức độ chiếu sáng ở khu vực có chất độn chuồng khuyến khích gà đào bới và tắm bụi. Mức độ chiếu sáng trên sào đậu có thể tạo điều kiện nghỉ ngơi ban ngày cho gà, tuy nhiên, ánh sáng vừa phải là cần thiết để điều hướng gà lên và xuống sào đậu. Bóng tối trong ổ để góp phần giảm thiểu nguy cơ cắn mổ nhau.

Trong một số hệ thống chuồng trại và một số giống gà, nguy cơ kích động, hỗn loạn và chồng đè lên nhau có thể xảy ra khi chuồng bị tối một cách đột ngột. HFAC khuyến khích chế độ tắt đèn giảm sáng dần để gà mái có thể chuẩn bị sẵn sàng cho bóng tối.

D. Quy định về không gian

E 18: Tự do di chuyển và cử động

- Tất cả cá thể trong đàn phải được tự do di chuyển và cử động: có thể đứng thẳng một cách tự nhiên, có thể xoay người lại, vươn chân và sải cánh.
- Chúng cũng phải có đủ không gian để có thể đậu trên sào một cách yên tĩnh mà không ảnh hưởng đến các cá thể khác.

E 19: Mật độ nuôi

Diện tích sàn chuồng cho từng cá thể gà là diện tích sàn chuồng gà có thể sử dụng không tính diện tích hệ thống ổ đẻ và hệ thống sào đậu lên tầng. Hệ thống cho gà đậu không lên tầng (gắn liền với sàn lưới)

được tính như diện tích sàn mà gà có thể sử dụng. Tùy theo hệ thống chuồng trại, một trong những yêu cầu sau đây về diện tích sử dụng cho gà phải được đáp ứng:

- Mật độ sàn theo yêu cầu 0.14 m²/gà: đối với hệ thống chuồng sàn phủ toàn bộ sàn với chất độn chuồng. Mật độ này nhằm đảm bảo gà được thể hiện được hành vi tập tính tự nhiên và chất thải được trộn lẫn dễ dàng.
- Mật độ sàn theo yêu cầu là 0.11 m²/gà: đối với hệ thống chuồng có chất độn chuồng. Gà tiếp cận máng ăn, máng uống, sào đậu và ổ đẻ bố trí phía trên sàn lưới, sàn lưới có độ cao nhất định, bên dưới sàn là kênh phân chất thải. Gà không tiếp cận chất thải ở kênh phân.
- Mật độ sàn theo yêu cầu là 0.09 m²/gà: đối với hệ thống chuồng tầng (aviary), máng ăn, máng uống bố trí đều khắp các tầng, nơi có hệ thống sào đậu và sàn. Mật sàn và sào đậu phải có diện tích bề mặt đảm bảo ít nhất 55% tổng số gà có thể đậu cùng lúc (15 cm/gà).
- Mật độ sàn theo yêu cầu là 0.09 m²/gà: đối với hệ thống nuôi chăn thả hoàn toàn ngoài đồng với chuồng di động và 100% sàn lưới.

E 20: Mật độ nuôi gà hậu bị

- Mật độ nuôi gà hậu bị (16 tuần tuổi) tính theo trọng lượng của gà tối đa là 20 kg/m².
- Bên cạnh yêu cầu nuôi mật độ tối đa 20 kg/m², cần đảm bảo những yêu cầu như sau:
 - Chuồng úm: không gian cho từng cá thể và số lượng gà phải được điều chỉnh tùy theo độ tuổi cho đến lúc chúng sẽ được chuyển sang chuồng đẻ, nhằm đảm bảo cung cấp đủ chỗ và không gian cho những con gà già hơn. Cần lưu ý: chỉ tối đa 20% số gà hậu bị có cân nặng \pm 10% so với trọng lượng trung bình.
 - Mật độ nuôi thả:

Tuổi của Gà hậu bị (tuần)	Mật độ nuôi thả
15 tuần:	15 con/m ² hoặc 0.067 m ² / con
16 tuần:	14 con/m ² hoặc 0.072 m ² / con
17 tuần:	13 con/m ² hoặc 0.079 m ² / con
18 tuần:	12 con/m ² hoặc 0.085 m ² / con

3.

E 21: Ghi chép và lưu trữ quy định không gian chuồng nuôi

Để đảm bảo mật độ nuôi thả tối đa không vượt quá mức cho phép, thì cần có:

- Bản vẽ của từng dãy chuồng phải được trình xuất với thanh tra, nêu rõ:
 - Tổng diện tích sàn gà mái có thể tiếp xúc;
 - Quy định về không gian/ mật độ thả; và
 - Số lượng gà tối đa được phép ở trong chuồng (như phần E1);
- Các biên bản phải được trình xuất vào bất cứ lúc nào được yêu cầu và trình bày quy định không gian/ mật độ thả sao cho người chăn nuôi/thanh tra có thể kiểm tra và xác định chính xác, rõ ràng thông tin trong biên bản. Thông tin bao gồm:
 - Biên bản về số lượng gà lúc mới nhập và số lượng hiện tại;
 - Tỷ lệ gà chết hàng ngày; và
 - Số lượng gà tiêu hủy, kèm theo các nguyên nhân dự đoán gây ra cái chết (nếu biết)
- Gà Hậu bị thay thế phải được chuyển vào chuồng đẻ trước khi chúng bắt đầu đẻ, tầm khoảng 16 – 18 tuần tuổi.

E. Chất lượng không khí và nhiệt độ chuồng nuôi

E 22: Chất lượng không khí

Phải thiết lập quy định để đảm bảo các chất ô nhiễm trong không khí không đạt đến ngưỡng gây khó chịu cho người quan sát/ thanh tra viên.

E 23: Thông gió

- Các hệ thống thông gió, dù là tự nhiên hay nhân tạo, phải được thiết kế đảm bảo duy trì các thông số về chất lượng không khí trong mọi điều kiện khí hậu có thể dự đoán trước.
- Nồng độ Amoniac ở độ cao theo chiều cao của gà không nên vượt quá 10 ppm và không được phép vượt quá 25 ppm ngoại trừ trong những khoảng thời gian ngắn như thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng đến hệ thống thông gió.
- Nên ghi lại nồng độ tập trung khí Amoniac tại điểm ngang với độ cao của gà ít nhất một tuần một lần và trình xuất với HFAC trong quá trình thanh tra và vào những thời điểm khác, nếu được yêu cầu.

Trong điều kiện cho phép, những chỉ số đo lường chất lượng không khí khác (ví dụ như cacbon điôxit, cacbon monoxit) cũng nên được lưu lại bằng hệ thống tự động - tự ghi chép với tần suất đều đặn và trình xuất với HFAC trong quá trình thanh tra và bất kỳ thời điểm nào khác, nếu được yêu cầu.

- Hydro sulfua nên thấp hơn 0.5 ppm và không vượt quá 2.5 ppm.*
- Cacbon điôxit nên thấp hơn 3000 ppm và không vượt quá 5000 ppm.*
- Cacbon monoxit nên thấp hơn 10 ppm và không vượt quá 50 ppm.*
- Bụi nên thấp hơn 1.7 mg/m³ (đối với bụi trong không khí) và 3.4 mg/m³ (đối với bụi tổng) và không vượt quá 5 mg/m³ (đối với bụi hô hấp) và 15 mg/m³ (đối với bụi tổng), đo lấy trung bình trong khoảng thời gian 8 tiếng đồng hồ.*

E 24: Nhiệt độ

- Phải thiết lập quy định để đảm bảo gà mái được sống trong điều kiện nhiệt dễ chịu, thoải mái vào mọi thời điểm, tránh căng thẳng hay khó chịu do chịu nóng/lạnh.
- Thông số nhiệt độ cao nhất và thấp nhất của từng dãy chuồng phải được ghi chép, và lưu lại. Biên bản ghi chép phải được trình xuất cho Thanh tra.
- Trong trường hợp gà bị rụng lông, thức ăn phải được cung cấp đầy đủ trong thời tiết lạnh để gà mái có thể bổ sung năng lượng cho nhiệt đã mất.

F. Quy định về ổ đẻ

E 25: Số lượng ổ đẻ

Cần phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Hệ thống ổ đẻ riêng biệt: số ổ đẻ phải đảm bảo tối thiểu 1 ổ/ 5 gà.
- Hệ thống ổ đẻ dùng cho cả đàn: diện tích tối thiểu 0.8 m²/ 100 gà.

E 26: Vật liệu lót ổ đẻ

- Phải lót ổ đẻ để khuyến khích tập tính tự nhiên sử dụng ổ đẻ của gà mái.

- b. Vật liệu lót ổ đẻ của gà phải được bổ sung hàng tuần (có thể lâu hoặc nhanh hơn tùy loại vật liệu) và được thay/ vệ sinh khi cần thiết để duy trì một môi trường lạnh mạnh cho gà.

Cung cấp vật liệu, ví dụ như rơm đã phơi xốp, lót ổ đẻ trước khi gà bắt đầu đẻ trứng có thể khuyến khích gà hậu bị sử dụng ổ đẻ

G. Sào đậu

E 27: Sào đậu – cần thiết cho gà vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày

Gà phải được sử dụng sào đậu bất kể thời gian nào trong ngày (cả ban đêm và ban ngày).

- Gà hậu bị phải được phép sử dụng sào đậu, bắt đầu từ trước khi gà 4 tuần tuổi để chúng được chuẩn bị sẵn sàng sống trong chuồng nuôi giai đoạn sản xuất.
- Sào đậu phải được cung cấp với khoảng không gian tối thiểu 7.5 cm cho mỗi con trong giai đoạn hậu bị.
- Trong giai đoạn sản xuất, một con cần ít nhất 15 cm sào đậu. Thanh trượt từ ổ đẻ xuống nền chuồng được tính là sào đậu.

E 28: Các loại sào đậu

- Sào đậu lên tầng (elevated perch): Ít nhất 20% của độ dài không gian sào đậu phải được nâng lên phía trên so với tầng liền kề (không gian đậu trên cao) để gà mái tránh đụng độ những con hung hăng khác, nhưng cũng phải đủ thấp để tránh những chấn thương chủ yếu ở chân gà. Chỉ có những sào đậu cao hơn 41 cm và thấp hơn 1 m so với tầng liền kề mới được tính như một phần diện tích sào đậu lên tầng. Những sào đậu lên tầng phải cách tường hoặc trần nhà ít nhất 20 cm và cho phép gà mái xuống khỏi sào ở một góc không quá 45°. Sào đậu phải được lắp chắc chắn để giảm thiểu các nguy cơ gây chấn thương đối với gà mái.
- Sàn lưới có thể được tính như sào đậu nếu có thiết kế sao cho sào đậu lồng ghép vào cấu trúc sàn hoặc gắn kết vào phía trên sàn (xem yêu cầu E.29). Khoảng cách tối thiểu giữa các nhánh đậu lồng ghép này là 30cm, để giúp nhiều gà có thể đậu cùng lúc một cách dễ dàng.

E 29: Thiết kế sào đậu

- Mỗi cạnh của sào đậu phải có khoảng cách giãn tối thiểu 1.3 cm (0.5 inch) để gà mái có thể bám vào sào mà không bị kẹp móng chân của mình.
- Khi đậu, chân gà phải có thể bấu quanh sào đậu và giữ được tư thế cân bằng thoải mái trong một khoảng thời gian dài. Chiều rộng của sào đậu phải ít nhất 2.54 cm ở phía trên (nếu sào đậu dạng hình tròn phải có đường kính tối thiểu là 2.54 cm và đường kính tối đa không được vượt quá 7.6 cm), không có cạnh sắc nhọn, được che bởi ở các đầu (nếu rỗng), được làm từ vật liệu không trơn trượt, và phải được giữ sạch sẽ và khô ráo.
- Sào đậu phải được đặt sao cho gà mái ở phía dưới sào không bị dính bẩn (giảm thiểu sự dính bẩn) và nếu có thể, sào đậu nên được đặt trên một hố phân hoặc dải chứa phân.

Sào đậu dạng phẳng, dạng bầu dục hoặc dạng hình nấm sẽ giúp giảm áp lực lên chân gà hơn là các dạng sào tròn, bởi vậy làm giảm nguy cơ gà bị bumblefoot (viêm da do loét – tình trạng gây đau đớn ở gà gây ra vết loét dưới chân của gà).

H. Hệ thống chuồng nhiều tầng (Aviary)

E 30: Kiểm tra

Thiết kế tổng thể của hệ thống phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra đàn gà một cách kỹ lưỡng, toàn diện và đúng quy chuẩn, cũng như cho phép phát hiện và tiếp xúc xử lý ngay lập tức với bất kỳ cá thể nào bị ốm, bị thương, bị mắc kẹt hoặc chết và cần phải loại bỏ.

E 31: Di chuyển của công nhân trong khu vực chuồng nuôi

Trong trường hợp gà ở các tầng cao hơn so với chiều cao đầu người, yêu cầu cần có các phương tiện di chuyển (ví dụ như thang hoặc xe nâng) để đảm bảo công nhân có thể di chuyển an toàn tới tất cả các tầng khi bắt hoặc kiểm tra gà.

E 32: Sự di chuyển giữa các tầng

Cấu trúc từng tầng phải đảm bảo gà có thể di chuyển dễ dàng qua các tầng và tiếp xúc được với toàn bộ diện tích khu vực sàn của tầng đó bao gồm cả khu vực ở dưới của các tầng.

E 33: Thiết kế Hệ thống

- a. Các tầng trên phải có các đai chứa phân hoặc phải được phân bố, sắp xếp sao cho gà mái ở dưới không bị bẩn (giảm thiểu dính bẩn cho gà mái ở ở những tầng phía dưới).
- b. Nếu các cửa trong hệ thống chuồng nhiều tầng aviary trước đó vẫn còn thì phải chắc chắn tháo dỡ hoàn toàn hoặc mở phải có gắn dấu niêm phong.

E 34: Tiếp xúc với Chất độn chuồng

Gà phải luôn luôn được tiếp xúc với chất độn chuồng, với yêu cầu tối thiểu 15% diện tích sàn phải được lót chất độn chuồng phù hợp.

CHƯƠNG 4: CÁC TIÊU CHUẨN VỀ CHĂN NUÔI GÀ TRÊN ĐỒNG CỎ VÀ NUÔI GÀ CHĂN THẢ TỰ DO

MỤC TIÊU: Tiêu chuẩn Chăn nuôi Động vật Trang trại Nhân đạo đối với Gà Đẻ trứng không yêu cầu gà mái phải được tiếp xúc với môi trường bên ngoài, hoặc được chăn thả. Các điều kiện này có thể nâng cao phúc lợi động vật và được khuyến khích. Việc gà đẻ trứng được chăn thả hay được chăn nuôi ở môi trường bên ngoài, như đồng cỏ, cần phải tuân theo các định nghĩa và tiêu chuẩn dưới đây.

Chăn nuôi gà trên đồng cỏ: là hệ thống chăn nuôi mà trong đó, gà trưởng thành được chăn nuôi trên đồng cỏ suốt 12 tháng trong năm ở một khu vực được bao phủ chủ yếu bởi một thảm thực vật sống. Gà có thể tiếp xúc với đồng cỏ bên ngoài thông qua lối ra từ chuồng nuôi cố định hoặc di động, hoặc gà có thể ra ngoài hiên chuồng (nếu có). Gà được giữ bên trong chuồng vào ban đêm để bảo vệ chúng tránh khỏi các thú dữ ăn thịt, tuy nhiên, không được phép giữ chúng liên tục trong chuồng 24 tiếng mỗi ngày mà không được ra ngoài tiếp xúc với đồng cỏ hơn 14 ngày liên tiếp. Yêu cầu về không gian ngoài trời tối thiểu phải đạt 1 ha trên 1000 cá thể để đáp ứng đúng Tiêu chuẩn Chăn nuôi Động vật Trang trại Nhân đạo đối với Phương thức Chăn nuôi gà trên đồng cỏ.

Chăn nuôi gà trên đồng cỏ theo mùa: gà mái được chăn nuôi trên đồng cỏ theo mùa phải được cho ra ngoài tất cả các tháng trong năm mà đồng cỏ xuất hiện, nở rộ và nhiệt độ bên ngoài không được ảnh hưởng đến phúc lợi của gà. Gà mái có thể được chăn nuôi trong chuồng và không tiếp xúc với đồng cỏ bên ngoài liên tục 24 tiếng mỗi ngày nếu nhiệt độ bên ngoài dưới 0° C và lượng mưa tích tụ khiến gà mái không thể di chuyển tự do trên đồng cỏ. Yêu cầu về không gian ngoài trời tối thiểu cho Chăn nuôi gà trên đồng cỏ phải như nhau và các tiêu chuẩn khác quy định trong hướng dẫn này phải được đáp ứng.

Chăn thả tự do: là một hệ thống chăn nuôi mà trong đó gà trưởng thành được chăn nuôi trong chuồng và được tiếp xúc hàng ngày với khu vực bên ngoài chuồng có điều kiện thời tiết cho phép. Yêu cầu về không gian ngoài trời tối thiểu là 0.19 m² với mỗi con gà để đáp ứng đúng Tiêu chuẩn Chăn nuôi Động vật Trang trại Nhân đạo đối với Nuôi gà chăn thả. Tất cả những tiêu chuẩn khác trong hướng dẫn phải được đáp ứng.

A. Hệ thống Chăn nuôi gà trên đồng cỏ

Sau đây là các tiêu chuẩn cần phải đáp ứng thêm bên cạnh các tiêu chuẩn áp dụng khác trong sổ tay hướng dẫn này.

R 1: Khu vực chăn nuôi trên đồng cỏ

- a. Phải bao gồm chủ yếu là thảm thực vật sống. Sử dụng sỏi đá/ hạt thô để hỗ trợ gà tiêu hóa thảm thực vật.
- b. Đồng cỏ phải được thiết kế và quản lý sao cho:
 1. Khuyến khích gà đi ra ngoài, tránh xa khỏi cửa chuồng, và tiếp xúc với toàn bộ khu vực;
 2. Ngăn ngừa và/ hoặc giảm thiểu các khu vực đã xuống cấp, lầy lội/ sũng nước hoặc bị xói mòn nặng;

3. Giảm sự tích tụ của mọi tác nhân (ví dụ: ký sinh trùng, vi khuẩn, vi rút) có thể gây bệnh;
4. Ngăn chặn gà mái tiếp xúc với bất kỳ chất độc hại.
- c. Yêu cầu không gian ngoài trời tối thiểu là 1 ha/ 1000 cá thể (2.5 mẫu Anh). Đất đang được sử dụng để trồng cây nông nghiệp để thu hoạch (trừ cỏ hoặc cỏ khô) không được chấp nhận như là một phần của quy hoạch không gian chăn nuôi trên đồng cỏ và phải được loại trừ khỏi các tính toán về không gian.
- d. Khoảng cách tối đa mà một con gà mái phải đi từ đường bao quanh hàng rào của đồng cỏ đến cánh cửa gần nhất vào chuồng nuôi cố định hoặc di động không được phép vượt quá 366 m (400 yard).
- e. Đồng cỏ phải được luân chuyển định kỳ để ngăn chặn đất bị ô nhiễm và/ hoặc bị bào mòn, và có thời gian để đất phục hồi sau khi sử dụng. Một kế hoạch chăn thả đồng cỏ bằng văn bản phải được trình xuất. Kế hoạch chăn thả bằng văn bản phải được nộp cùng với đơn đăng ký.
- f. Nhiệt độ nước không được dưới 10° C (50° F) hoặc trên 38° C (100° F).
- g. Gà phải ở ngoài trời 12 tháng mỗi năm, mỗi ngày tối thiểu 6 giờ. Trong trường hợp khẩn cấp, gà mái có thể bị nhốt trong chuồng cố định hoặc di động 24 giờ mỗi ngày và không quá 14 ngày liên tiếp.
- h. Khu vực bóng râm, che phủ và tắm bụi đạt các yêu cầu:
 1. Phải có đủ các khu vực thoát nước tốt, có bóng râm để gà mái nghỉ ngơi ngoài trời mà không phải chen chúc nhau.
 2. Các hình thức che phủ như cây bụi, cây xanh hoặc vật liệu nhân tạo, phải được phân bố trên khắp đồng cỏ để có thể làm giảm những sợ hãi gây ra bởi động vật ăn thịt trên cao và để khuyến khích gà mái sử dụng đồng cỏ.
 3. Khu vực đồng cỏ phải có các đụn chất độn tối xốp phù hợp cho việc tắm bụi.

Một kế hoạch quản lý đồng cỏ phải được phát triển, thực hiện và cập nhật hàng năm. Kế hoạch bao gồm: luân chuyển đồng cỏ; làm thế nào để ngăn ngừa và/ hoặc quản lý các khu vực bị giẫm lầy/bùn/mòn nặng; làm thế nào để giảm thiểu bất kỳ sự tích tụ của ký sinh trùng hoặc bệnh tật; cung cấp và phân phối thích hợp của bóng râm/nơi trú tự nhiên và nhân tạo và sự che phủ; cải thiện hệ thống thoát nước để ngăn chặn các khu vực bị giẫm lầy lan rộng

R 2: Chuồng nuôi

- a. Phương thức nuôi gà trên đồng cỏ phải đảm bảo để gà mái có thể vào chuồng cố định hoặc di động giúp chúng khô ráo và bảo vệ chúng khỏi gió và khỏi những động vật săn mồi.
- b. Phải có đủ các lối thoát ra ngoài phân bố thích hợp xung quanh chuồng gà (yêu cầu 15 m (50 ft) có ít nhất một cửa ra dọc theo một bên của chuồng) để đảm bảo rằng luôn luôn có sẵn lối đi ra ngoài trời cho gà mái. Mỗi cửa ra phải đủ rộng cho phép nhiều hơn một con gà mái đi qua cùng một lúc.
- c. Cửa ra phải cao ít nhất 46 cm (18 inch) và rộng 53 cm (21 inch).
- d. Bởi vì gà mái được thúc đẩy để đậu trên sào vào ban đêm và có thể cần phải giữ gà bên trong chuồng vào ban đêm để bảo vệ chúng khỏi những kẻ săn mồi hoặc thời tiết khắc nghiệt, nên có thể cần thiết đặt sào đậu bên trong chuồng nuôi (Xem phần E27-E29).
- e. Thiết kế chuồng cần phải tuân theo những quy định như những phần trên trong bộ tiêu chuẩn này. Trong trường hợp gà mái phải bị đóng trong chuồng hơn 24 giờ, nếu cần bất kỳ điều khoản đặc biệt nào để đáp ứng các tiêu chuẩn, chúng phải được mô tả trong một kế hoạch khẩn cấp bằng văn bản.

Trong nhà chuồng di động, không gian ổ để có thể khác với E25, với điều kiện gà không để trống trên sàn và không có cạnh tranh để dành ổ để và phúc lợi của gà không bị ảnh hưởng.

B. Chăn nuôi gà trên đồng cỏ theo mùa

1. Phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn về Chăn nuôi trên đồng cỏ.
2. Khi nhốt gà trong chuồng do thời tiết xấu, yêu cầu có biên bản ghi lại những ngày gà ở trong chuồng và nhiệt độ trong những ngày đó. Các biên bản này phải được trình xuất cho Đại diện kiểm tra của HFAC.

C. Hệ thống nuôi chăn thả tự do

Các tiêu chuẩn sau đây dành cho hệ thống chăn nuôi gà tương ứng bên cạnh các tiêu chuẩn áp dụng khác trong hướng dẫn này.

R 3: Phạm vi chăn thả

- a. Khu vực ngoài trời mà gà được tiếp xúc phải:
 1. Bao gồm mặt đất được bao phủ bởi thảm thực vật sống (tất cả mọi nơi có thể bao phủ). Lớp phủ mặt đất như sỏi, rơm, mùn hoặc cát là những ví dụ về vật liệu sẽ được sử dụng khi thảm thực vật không thể bao phủ mặt đất. Sỏi đá thô phải có sẵn để hỗ trợ gà tiêu hóa thực vật.
 2. Được thiết kế và chủ động trong quản lý nhằm giảm thiểu rủi ro như hư hại, ô nhiễm hoặc úng nước;
 3. Được quản lý để tránh tích tụ các tác nhân (ví dụ: ký sinh trùng, vi khuẩn, vi rút) có thể gây bệnh.
 4. Ngăn chặn gà mái tiếp xúc với bất kỳ chất độc hại hoặc thực vật độc hại.
- b. Yêu cầu tổng không gian tối thiểu của khu vực ngoài trời không che chắn là 0.19 m²/ cá thể. Đất đang được sử dụng để trồng cây nông nghiệp (trừ cỏ hoặc cỏ khô) không được xem như là một phần của quy hoạch không gian chăn thả, vì vậy cần phải loại trừ khi tính toán liên quan đến quy định về diện tích chăn thả cho từng cá thể.
- c. Khoảng cách tối đa mà một con gà mái phải đi từ đường bao quanh hàng rào của khu vực ngoài trời đến cánh cửa gần nhất vào chuồng nuôi cố định hoặc di động không được phép vượt quá 366 m (400 yard).
- d. Chăn thả luân canh hoặc các biện pháp kiểm soát bệnh tật khác phải được áp dụng để giảm nguy cơ tích tụ ký sinh trùng hoặc mầm bệnh trong khu vực chăn thả. Phải có một kế hoạch kiểm soát ký sinh trùng bằng văn bản đối với những con gà có tiếp xúc với môi trường bên ngoài.
- e. Gà mái phải được ra ngoài trời tối thiểu 6 giờ mỗi ngày vào ban ngày, ngoại trừ trong trường hợp thời tiết khắc nghiệt hoặc vì lý do thú y hoặc khẩn cấp.
- f. Bóng râm và sự che phủ
 1. Phải có đủ các khu vực thoát nước tốt, có bóng râm để tất cả gà mái nghỉ ngơi ngoài trời mà không phải chen chúc nhau.
 2. Sự che phủ, chẳng hạn như các cây bụi, cây xanh hoặc cấu trúc nhân tạo, phải được phân phối trên toàn bộ phạm vi khu vực để giảm phản ứng sợ hãi của gà mái đối với động vật ăn thịt trên cao và để khuyến khích gà mái sử dụng phạm vi khu vực chăn thả.

Một kế hoạch quản lý phạm vi chăn thả phải được phát triển, thực hiện và cập nhật hàng năm. Kế hoạch bao gồm: luân chuyển phạm vi chăn thả; làm thế nào để ngăn ngừa và/hoặc quản lý các khu vực bị giẫm lầy/bùn/mòn nặng; làm thế nào để giảm thiểu bất kỳ sự tích tụ

của ký sinh trùng hoặc bệnh tật; cung cấp và phân phối thích hợp của bóng râm/nơi trú tự nhiên và nhân tạo và sự che phủ; thoát nước.

R 4: Chuồng nuôi

- a. Tất cả gà phải được phép ở chuồng nuôi - nơi giữ cho chúng khô ráo, bảo vệ chúng khỏi gió và khỏi những kẻ săn mồi, và đáp ứng các yêu cầu trong các phần khác của bộ tiêu chuẩn này.
- b. Phải có đủ các lối thoát ra ngoài được phân bố thích hợp xung quanh chuồng gà (yêu cầu cứ 15 m (50 ft) có ít nhất một cửa ra dọc theo một bên của chuồng) để đảm bảo rằng luôn luôn có sẵn lối đi ra ngoài trời cho gà mái. Mỗi cửa ra phải đủ rộng để cho phép nhiều hơn một con gà mái đi qua cùng một lúc.
- c. Lối thoát phải cao ít nhất 46 cm (18 inch) và rộng 53 cm (21 inch).

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ

MỤC TIÊU: Để đảm bảo phúc lợi từ động vật tốt, thì sự đồng cảm và quản lý có trách nhiệm là rất quan trọng. Người quản lý và công nhân chăm sóc phải được đào tạo kỹ lưỡng, có kỹ năng và có năng lực trong chăn nuôi và phúc lợi động vật, và có am hiểu phương thức vận hành hệ thống chăn nuôi của họ, cũng như phương pháp chăm sóc gà đẻ trứng.

A. Người quản lý

M 1: Sự am hiểu các quy định trong bộ tiêu chuẩn

Những người quản lý phải đảm bảo rằng:

- a. Công nhân làm việc trong trại phải có một bản sao của Bộ Tiêu Chuẩn chăn nuôi động vật trang trại nhân đạo dành cho Gà Đẻ Trứng mới nhất;
- b. Tất cả công nhân chăm sóc đàn gà phải quen thuộc với các tiêu chuẩn; và
- c. Tất cả công nhân chăm sóc đàn gà phải hiểu về nội dung của Bộ Tiêu Chuẩn này.

M 2: Các hoạt động quản lý và lưu trữ thông tin

Người quản lý phải:

- a. Phát triển và triển khai thực hiện chương trình huấn luyện phù hợp cho người chăm sóc vật nuôi; thường xuyên cập nhật và luôn luôn tạo cơ hội sự phát triển nâng cao tay nghề.
- b. Có thể chứng minh rằng nhân viên có trách nhiệm chăm sóc động vật có kỹ năng liên quan và cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của họ. Khi có bất kỳ khuyết điểm được ghi nhận, những người quản lý phải đưa ra bài huấn luyện phù hợp để đảm bảo rằng tất cả người chăm sóc có các kỹ năng cần thiết.
- c. Phát triển và triển khai thực hiện các kế hoạch và các biện pháp phòng ngừa nhằm ngăn chặn/thích nghi với các tình huống khẩn cấp như cháy, lụt, sự cố kiểm soát môi trường hoặc sự gián đoạn một số hệ thống hệ thống cung cấp trong trại (v.d. thức ăn, nước uống, điện);
 1. Đặt Kế Hoạch Thông Báo Ứng Phó Khẩn Cấp (Emergency Action Notice Plan) cạnh điện thoại bàn, nhấn mạnh các quy trình tuân thủ cho những người phát hiện ra trường hợp khẩn cấp (v.d. cháy, lụt, mất điện);
 2. Lưu số điện thoại khẩn cấp trên điện thoại và dán ở các lối ra vào các dãy chuồng.
- d. Bản kế hoạch theo dõi sức khỏe đàn gà cần phải:
 1. Thực hiện;
 2. Thường xuyên cập nhật; và
 3. Các dữ liệu cần thiết cần phải được ghi chép lại một cách hợp lý.
- e. Duy trì và cung cấp hồ sơ kiểm duyệt về thông tin sản xuất và sử dụng thuốc và vắc-xin cho HFAC. Những hồ sơ này phải được ghi cụ thể và bao gồm tài liệu về:
 1. Số lượng vật nuôi nhập và xuất;
 2. Sản lượng trứng;
 3. Tỷ lệ chết (nên ghi rõ lý do, nếu biết);
 4. Tiêu hủy (nên ghi rõ lý do và lưu trữ tách biệt với số tử vong);
 5. Ghi chép sử dụng thức ăn;
 6. Thông tin về nước uống (nếu có thể, mỗi dãy chuồng nên có đồng hồ nước riêng);
 7. Nhiệt độ tối đa và tối thiểu;
 8. Thông gió chuồng nuôi (bao gồm lắp đặt và bất kì thay đổi cần thiết); và
 9. Nồng độ khí amoniac (NH₃).

M 3: Trình độ, năng lực công nhân

Người quản lý phải tính đến khả năng của người chăm sóc khi quyết định không gian tiêu chuẩn trong các hệ thống hiện tại và khi xem xét mở rộng trại hoặc lắp đặt thiết bị phức tạp hơn.

M 4: Quy trình khiếu nại/ phản hồi với chủ trại/ người quản lý

- a. Để được chứng nhận, bộ phận vận hành phải duy trì các hệ thống để nhận, phản hồi các khiếu nại/ thông tin và ghi lại các khiếu nại xác nhận về những thất bại trong quá trình thực hiện để tuân thủ các tiêu chuẩn
- b. Bất cứ khi nào nhận được khiếu nại, người quản lý phải:
 1. Thực hiện hành động thích hợp để trả lời khiếu nại, và
 2. Sửa chữa mọi thiếu sót trong chuồng trại hoặc dịch vụ/ thực hành chăm sóc vật nuôi ảnh hưởng đến việc tuân thủ các yêu cầu cho quá trình chứng nhận.
- c. Các hồ sơ bằng văn bản phải được lưu trữ bởi bộ phận vận hành ít nhất 3 năm kể từ ngày tạo hồ sơ. Hồ sơ phải bao gồm những thông tin sau:
 1. Tất cả các khiếu nại được tiếp nhận (bằng văn bản hoặc bằng lời nói); và
 2. Các hành động được thực hiện bởi nhà điều hành để trả lời khiếu nại.
- d. Những hồ sơ này phải được cung cấp cho HFAC theo yêu cầu. HFAC sẽ xem xét các hồ sơ này ít nhất một năm một lần trong đợt thanh tra hàng năm.
- e. Các nhà điều hành phải thông báo cho HFAC nếu có các phán quyết bất lợi (như đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận, phạt tiền hoặc xử phạt khác) liên quan đến các hoạt động quản lý nhân đạo của bộ phận vận hành bị áp đặt chống lại bộ phận vận hành bởi một cơ quan chứng nhận khác hoặc bởi một kế hoạch của chính phủ để chỉnh đốn lại ngành công nghiệp

B. Người chăm sóc

M 5: Các thực hành để giảm thiểu vấn đề

- a. Công nhân làm việc trong trại phải biết hành vi tập tính tự nhiên của gà mái đẻ và hiểu các dấu hiệu biểu hiện sức khỏe và sự thoải mái của vật nuôi.
- b. Công nhân làm việc trong trại nên có khả năng nhận ra các vấn đề đe dọa trong giai đoạn sớm nhất, vì điều này có thể cho phép họ xác định nguyên nhân và khắc phục vấn đề kịp thời.
- c. Khi hành vi bất thường của động vật bùng phát, thì chúng phải được xử lý kịp thời bằng những thay đổi thích hợp trong hệ thống quản lý.

M 6: Nhận thức về các vấn đề phúc lợi

- a. Công nhân làm việc trong trại phải nhận thức được các vấn đề phúc lợi, chẳng hạn như những vấn đề liên quan đến quản lý chất độn chuồng kém (v.d. bệnh tích đầu khớp, bệnh tích lòng bàn chân,..).
- b. Công nhân làm việc trong trại phải hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến chất độn chuồng (v.d. độ ẩm, amoniac tích tụ trong chuồng, hàm lượng nitơ, thông thoáng và mật độ nuôi thả).
- c. Công nhân làm việc trong trại phải hiểu nguy cơ gây gãy xương (v.d. xương dễ gãy, tuổi của gà mái, lây nhiễm bệnh, dinh dưỡng, hạ cánh không cẩn thận khi nhảy xuống từ nơi cao).

M 7: Đào tạo

- a. Trước khi được giao trách nhiệm đảm bảo phúc lợi của vật nuôi, công nhân làm việc trong trại phải được đào tạo đúng cách và có thẩm quyền:

1. Nhận biết các dấu hiệu của các bệnh thông thường và biết khi nào nên tham khảo ý kiến bác sĩ thú y để có thể bắt đầu điều trị thích hợp;
 2. Nhận biết các dấu hiệu của hành vi bình thường, hành vi bất thường và hành vi sợ hãi;
 3. Hiểu các yêu cầu về điều kiện môi trường sống cho gà mái;
 4. Chăm sóc gà mái một cách tích cực và giàu tình thương; và
 5. Trợ tử để gà mái chết một cách nhân đạo khi cần thiết.
- b. Thông tin về chương trình đào tạo này nên được ghi lại. Thẩm quyền của người chăm sóc phải được xác minh.

M 8: Đối xử bằng tình thương và sự quan tâm

- a. Người chăm sóc phải có khả năng chứng minh năng lực trong việc xử lý động vật một cách tích cực và giàu tình thương.
- b. Người chăm sóc cũng phải có khả năng chứng minh sự thành thạo của họ trong các quá trình có khả năng gây ra đau đớn (ví dụ, trợ tử).

C. Kiểm duyệt

M 9: Giám sát

- a. Tất cả gà mái phải được kiểm tra ít nhất hai lần một ngày bằng cách sử dụng quy trình xác định tất cả các cá thể bị bệnh, bị thương, bị mắc kẹt hoặc có hành vi bất thường.
- b. Bất kỳ vấn đề phúc lợi nào được nhìn thấy trong quá trình kiểm tra của những người chăm sóc phải được xử lý một cách thích hợp và không chậm trễ.

Các vấn đề phúc lợi đủ nghiêm trọng mà những người chăm sóc chú ý và xử lý trong các cuộc kiểm tra hàng ngày trước đó sẽ được Thanh tra của HFAC lấy làm bằng chứng về sự bất cẩn trong nhiệm vụ của người chăm sóc.

M 10: Hồ sơ gia cầm bị bệnh, bị thương và chết

- a. Sau khi hoàn thành kiểm tra, hồ sơ của những cá thể bị bệnh, bị thương và chết phải được lưu giữ.
- b. Hồ sơ phải đảm bảo những yêu cầu sau:
 1. Được cung cấp cho HFAC trong quá trình kiểm tra và vào các thời điểm khác, theo yêu cầu;
 2. Được ký bởi người thực hiện quá trình kiểm tra;
 3. Ghi lại thời gian kiểm tra;
 4. Lưu ý các nguyên nhân gây bệnh và thương tích, khi biết; và
 5. Ghi lại lý do tiêu hủy.

M 11: Đảm bảo đi lại trong yên lặng khi chăm sóc vật nuôi

Các quy trình làm việc và thực hành để quản lý đàn gà phải được xây dựng, và thay đổi khi cần thiết, để đảm bảo vật nuôi không trở nên sợ hãi và không bị sợ hãi theo những cách có thể phòng tránh được. Ví dụ tất cả những chuyển động, đi lại trong toàn khu vực chuồng trại phải chậm rãi và cẩn thận để giảm bớt nỗi sợ hãi, những thương tích có thể xảy ra và cũng như giảm tình trạng quá đông đúc/ngột ngạt cho vật nuôi.

D. Trang thiết bị

M 12: Trang thiết bị

- a. Công nhân phải kiểm tra thiết bị trong trại, bao gồm cả thiết bị tự động mà gà mái cần đến ít nhất một ngày một lần để đảm bảo không có hỏng hóc gì.
- b. Khi phát hiện hỏng hóc (dù trong lúc kiểm tra hay bất cứ lúc nào):
 1. Hỏng hóc phải được sửa chữa kịp thời.
 2. Nếu không thể, các biện pháp phải được đưa ra để bảo vệ gà mái khỏi đau đớn hoặc căng thẳng không cần thiết do hỏng hóc thiết bị gây ra và phải được thực hiện và duy trì kịp thời cho đến khi hỏng hóc được khắc phục.

M 13: Hệ thống thông gió tự động

Hệ thống thông gió tự động phải bao gồm:

- a. Hệ thống báo động sẽ đưa ra cảnh báo đầy đủ về sự cố của hệ thống thông gió để đảm bảo vận hành đúng (và hệ thống báo động phải hoạt động được ngay cả khi nguồn điện chính bị hỏng);
- b. Trong trường hợp hệ thống thông gió chính bị hỏng, thì máy móc hoặc thiết bị thông gió dự phòng (dù tự động hay không) phải đảm bảo thông gió đầy đủ để đàn gà tránh khỏi sự căng thẳng không cần thiết do sự cố gây ra.

M 14: Nguồn điện dự phòng

- a. Đối với các chuồng có các thiết bị điện quan trọng với mục đích duy trì phúc lợi cho đàn gà thì cần phải bố trí nguồn điện dự phòng. Nguồn điện dự phòng có khả năng cung cấp ngay lập tức và đảm bảo cho các thiết bị điện quan trọng trong chuồng hoạt động trong khoảng thời gian 24 giờ. Máy phát điện dự phòng phải được đặt tại trại hoặc được lập tức thuê ngay sau khi xảy ra sự cố mất điện.
- b. Máy phát điện dự phòng phải được kiểm tra theo khuyến cáo của nhà sản xuất và những kiểm tra này phải được ghi chép lại.

M 15: Sử dụng thiết bị

Công nhân làm việc trong trại phải có khả năng:

- a. Chứng minh khả năng vận hành thiết bị một cách thành thạo một cách thành thạo (v.d.: máy sưởi, ánh sáng, thông khí, nấp/quạt);
- b. Chứng minh khả năng thực hiện bảo trì thường xuyên;
- c. Nhận diện các dấu hiệu thường gặp của sự cố; và
- d. Thể hiện hiểu biết thông qua những bài học rút ra từ những lần thất bại.

E. Côn trùng và động vật săn mồi

M 16: Bảo vệ khỏi côn trùng và các loài động vật săn mồi

Các biện pháp phòng ngừa nhân đạo phải được thực hiện để bảo vệ gà mái để khỏi những kẻ săn mồi và côn trùng. Đặc biệt là:

- a. Sự xâm nhập của các loài chim hoang dã vào chuồng gà mái phải được ngăn chặn bằng lưới hoặc vật liệu tương tự trên các ống thông gió trên mái nhà, cửa sổ, v.v.;
- b. Động vật săn mồi, bao gồm cả chó và mèo, không được phép vào chuồng. **Trong trại phải luôn có một khu vực để có thể bảo vệ đàn gà khỏi những kẻ săn mồi vào ban đêm.**

- c. Những khu vực bên ngoài chuồng mà có thể nhiễm nấm mốc hay là nơi trú ẩn của côn trùng cần phải được loại bỏ. Một phương pháp được khuyến cáo là làm thêm hàng rào cơ học, chẳng hạn như sỏi, được đặt xung quanh của chuồng để ngăn chặn các loại gặm nhấm cũng như một số loài ký sinh trùng sống trong đất.

Các khu vực tiếp cận ngoài trời có thể được bao quanh bởi một hàng rào điện với kích thước mắt lưới đủ nhỏ để có thể phòng tránh những con thú săn mồi. Nhốt gia cầm trong chuồng vào ban đêm cũng được khuyến cáo.

M 17: Giám sát động vật gặm nhấm và ruồi

- a. Việc giám sát các loài gặm nhấm cần phải được thực hành và được ghi chép lại, và khi kết quả cho thấy hoạt động của loài gặm nhấm vượt mức cho phép trong phạm vi chuồng nuôi thì phải có những biện pháp can thiệp thích hợp.
- b. Việc giám sát ruồi cần phải được tiến hành và được ghi chép lại, và khi kết quả cho thấy hoạt động của ruồi vượt mức cho phép trong phạm vi chuồng nuôi, thì phải có những biện pháp kiểm soát thích hợp.

F. Vệ sinh và khử trùng

M 18: Vệ sinh và khử trùng trước khi nhập gà

Chuồng trại và tất cả trang thiết bị chăn nuôi cần được vệ sinh và khử trùng thật cẩn thận trước khi nhập gà hậu bị hay gà đẻ.

CHƯƠNG 6: SỨC KHỎE

MỤC TIÊU: Gà mái phải được bảo vệ tránh khỏi đau đớn, thương tích và bệnh tật. Môi trường sống trong chuồng phải đảm bảo có lợi cho sức khỏe của đàn gà. Các cơ sở chăn nuôi phải có bản kế hoạch theo dõi sức khỏe đàn gà theo tư vấn của bác sĩ thú y.

A. Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe vật nuôi

H 1: Kế hoạch quản lý sức khỏe đàn gà

- a. Bản kế hoạch theo dõi sức khỏe đàn gà phải được vạch ra và cập nhật thường xuyên theo tư vấn của bác sĩ thú y
- b. Bản kế hoạch theo dõi sức khỏe đàn gà bao gồm:
 1. Thông tin chi tiết chương trình tiêm phòng;
 2. Thông tin các ca điều trị và các vấn đề sức khỏe khác trên đàn gà;
 3. Nguyên nhân gây bệnh, chết và loại thải gà;
 4. Giới hạn chịu đựng với hiệu suất tổng đàn;
 5. Quy định an toàn sinh học; và
 6. Vệ sinh, và khử trùng.

H 2: Giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm

Chương trình kiểm tra chất lượng sản phẩm phải được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đúng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

H 3: Ngăn ngừa thương tích lặp đi lặp lại

- a. Không được có các chấn thương lặp đi lặp lại do các đặc điểm cấu tạo môi trường chăn nuôi như bên trong chuồng trại, hoặc là những khu vực chăn nuôi ngoài trời.
 1. Chấn thương lặp đi lặp lại có thể xảy ra trên nhiều cá thể, thường giống nhau và cùng một nguyên nhân gây ra.
 2. Chấn thương được mô tả là thương tổn nghiêm trọng đủ để gây sẹo hạt mô hoặc vấn đề về xương khớp ở một mức độ lớn hơn những vết thương do va chạm nhẹ hoặc trầy xước.
- b. Phải chú ý đến các vết thương ở bàn chân và móng vuốt.
- c. Nếu phát hiện các thương tích như trên, thì cần phải thực hiện các biện pháp để phòng tránh.

H 4: Thông tin sinh trưởng đàn gà

- a. Thông tin sinh trưởng của đàn phải được theo dõi liên tục để biết các chỉ số về bệnh hoặc rối loạn sinh sản.
- b. Nếu bất kỳ thông số sinh trưởng nào nằm ngoài giới hạn đúng sai được chỉ định trong Bản theo dõi sức khỏe vật nuôi, một chương trình hành động cần phải được thực hiện để giải quyết vấn đề.
- c. Phải đặc biệt chú ý đến các trường hợp sau:
 1. Cấn mổ nhau;
 2. Rụng lông nghiêm trọng;
 3. Bệnh mặt gà;
 4. Gãy xương và biến dạng xương;
 5. Mắc bầy.

H 5: Chăm sóc gà bị bệnh và bị thương

Gà bệnh, và bất kỳ gà mái nào bị thương như vết thương hở hoặc gãy xương, hoặc thông lòi hậu môn, cần phải:

- a. Cách ly, và;
- b. Xử lý ngay không chần chừ, hoặc;
- c. Nếu cần thiết thì loại thải nhân đạo.

H 6: Các quy trình can thiệp vật lý

Một vấn đề có thể xuất hiện trong chăn nuôi gà không sử dụng chuồng lồng là chứng mổ thịt lẫn nhau. Gà bị mổ cắn bị đau đớn và hiện tượng này có thể nhanh chóng lan nhanh toàn đàn. Nhu cầu cắt mỏ gà (nhằm phòng hiện tượng cắn mổ) lợi ích có hay không, những biện pháp thay thế, ... không ngừng được đánh giá, thẩm định, và nghiên cứu dưới ánh sáng khoa học. Ngay khi nguyên nhân và các biện pháp thay thế được nghiên cứu thành công và công bố, các nhà chăn nuôi sẽ được yêu cầu loại bỏ việc cắt, mài mỏ gà. HFAC cũng nhận thấy rằng các phương pháp cắt tưa mỏ tiên tiến, chẳng hạn bằng hồng ngoại có thể mang lại phúc lợi cho gà mái, ví dụ giảm đau trong quá trình cắt/tưa, cũng như cải thiện độ chính xác khi thực hiện. HFAC sẽ xem xét những phát hiện từ nghiên cứu mới nhất của kỹ thuật này để đảm bảo rằng chỉ có các phương pháp thích hợp nhất được sử dụng.

- a. Cắt mỏ (theo phương pháp tàn ác) là không được phép. Xem phụ lục 2
- b. Hiện tượng cắn mổ nhau rất dễ bùng phát trong đàn gà, vì vậy việc cắt mỏ gà lúc chúng được 10 ngày tuổi hoặc sớm hơn được xem như là một phương pháp phòng ngừa.
 1. Chỉ những người được đào tạo và có thẩm quyền sử dụng thiết bị mới được phép thực hiện cắt mổ gà.
 2. Chỉ có thể cắt phần đầu mỏ để hạn chế khả năng gà mổ vào thân đồng loại chúng mà không gây ảnh hưởng đến việc ăn, mổ hoặc rửa lông
 3. Có thể xử lý nhiệt (bằng hồng ngoại) mà không loại bỏ bất kỳ phần mở nào để tránh sự biến dạng trong quá trình hình thành mỏ cho sự trưởng thành sau này.
- c. Cắt ngón chân, hoặc thay đổi phẫu thuật khác là không được phép.

H 7: Nghiêm cấm sử dụng các thiết bị để ngăn chặn hiện tượng cắn mổ nhau:

Máy móc, thiết bị nhân tạo (như các loại đèn nháy gắn vào mỏ hoặc lỗ mũi hoặc kính áp tròng) được thiết kế để ngăn chặn vấn đề cắn mổ nhau là không được phép sử dụng.

H 8: Chọn giống gà có sức khỏe tốt

Trong quá trình lựa chọn gà giống, phải cẩn thận để tránh các đặc tính di truyền không mong muốn như: hung hăng, xương dễ vỡ, dễ kích động, cắn mổ nhau và có xu hướng hay mổ lông.

H 9: Nghiêm cấm việc sử dụng giống gà biến đổi gen hoặc nhân giống vô tính

H 10: Nghiêm cấm hành động rút thức ăn để gà thay lông

Hành động rút thức ăn để khiến gà mái thay lông là điều bị cấm.

B. Giết mổ nhân đạo

H 11: Trợ tử

- a. Mỗi trang trại phải có các điều khoản quy định trợ tử nhân đạo kịp thời khi gà mái bị bệnh hoặc bị thương. Quá trình trợ tử nhân đạo cần thực hiện tại trang trại bởi người có chuyên môn, được đào tạo, hoặc bác sĩ thú y.
- b. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về quá trình xử lý, cần tham vấn ý kiến bác sĩ thú y sớm xem có thể điều trị hay thực hiện giết mổ nhân đạo tránh gây đau đớn cho vật nuôi.
- c. Nếu một con gà bị đau dữ dội khiến mất kiểm soát, thì chúng cần phải được chăm sóc đặc biệt.
- d. Các phương pháp giết mổ nhân đạo sau đây được cho phép:
 1. Chích điện khu vực cổ (vật nuôi sẽ được sốc điện làm tê liệt não).
 2. Trật khớp cổ, sử dụng trong trường hợp khẩn cấp hoặc số lượng rất nhỏ. Phương pháp này phải kéo dài cổ khiến cho tuỷ sống bị đứt gây thương tổn trên diện rộng cho các mạch máu lớn. Thiết bị nghiền nát cổ gồm giết kìm dùng burdizzo cũng là không nhân đạo và không được phép sử dụng.
 3. Carbon điôxít (CO₂) hoặc hỗn hợp carbon điôxít và argon (khí trơ) được đưa vào một thùng chứa thích hợp ở nồng độ chấp nhận được.

H 12: Xử lý xác gia cầm chết

- a. Theo quy trình giết mổ nhân đạo, người thực hiện phải kiểm tra cẩn thận để đảm bảo rằng gà đã chết.
- b. Tất cả xác gà chết phải được xử lý thông qua các cơ sở hoặc sử dụng các phương pháp được cấp phép bởi chính quyền địa phương.
- c. Xử lý bên ngoài trại:
 1. Xác gà chết phải được xử lý tại các cơ sở đã được phê duyệt theo quy định của nhà nước và luật pháp địa phương.
 2. Phải có biên bản chép và lưu trữ đầy đủ thông tin tên của cơ sở xử lý xác gà chết đó.
- d. Xử lý tại trại
 1. Nếu xác gà được xử lý ngay tại trại thì cần ghi chép lại thông tin những phương pháp xử lý.

CHƯƠNG 7: VẬN CHUYỂN

MỤC TIÊU: Hệ thống vận chuyển phải được thiết kế sao cho đảm bảo gà mái không bị đau hoặc khó chịu. Khi vận chuyển và lừa, bắt, di chuyển gà mọi can thiệp không cần thiết trực tiếp đến gà phải được giữ ở mức tối thiểu. Nhân sự tham gia vận chuyển phải được đào tạo kỹ lưỡng và có thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ cần thiết.

T1. Quy trình thả đàn

1. Kế hoạch thả đàn phải được soạn thảo bởi người chăn nuôi/ người quản lý trang trại cho mỗi dãy chuồng trước khi tiến hành loại thả. Bản kế hoạch phải được xem xét và ký (ghi rõ tên) sau mỗi lần thả đàn bởi người quản lý hoặc giám sát dãy chuồng đó.
2. Kế hoạch thả đàn phải bao gồm: bản thiết kế dãy chuồng, kế hoạch bắt gà, sắp xếp vận chuyển (thời gian thực hiện từ lúc bắt đầu đến khi đưa lên khay vận chuyển không được quá 10 tiếng đồng hồ) và ghi chép sau khi tiến hành thả đàn tại trại.
3. Những hồ sơ này phải được cung cấp cho thanh tra của HFAC.
4. Công nhân thực hiện việc bắt gà không bao giờ được đặt tốc độ bắt lên trước phúc lợi gà mái.
5. Gia cầm phải được uống nước đầy đủ trong cả quá trình chờ đợi trước khi bắt những con đầu tiên.

Mục tiêu của chương trình Certified Humane® là khai sinh và thông qua chính sách giết mổ. Chúng tôi nhận ra rằng tại thời điểm đó không phải lúc nào cũng có thể, khi nhiều đơn vị chăn nuôi gà mái bán gà cho nhiều nơi khác nhau, không phải tất cả chúng đều bị giết mổ. Một số được bán theo dạng gà sống trên thị trường. Trừ khi đơn vị sản xuất có kế hoạch giết mổ được kiểm định chặt chẽ, nếu không thì không được bán sản phẩm có gắn logo Certified Humane®.

NGUỒN THAM KHẢO

- Appleby, M.C, J.A. Mench, and B.O. Hughes 2004. *Poultry Behaviour and Welfare*. CABI, Wallingford, UK.
- Berg C. 2001. "Health and welfare in organic poultry production." *Acta Veterinaria Scandinavica Supplement* 95: 37-45.
- Animal Care Series: Egg-type Layer Flock Care Practices. 1998. California Poultry Workgroup, University of California Cooperative Extension, Davis CA. Available online at http://www.vetmed.ucdavis.edu/vetext/INF-PO_EggCarePrax.pdf.
- Code of Recommendations for the Welfare of Livestock: Laying Hens. 2002. Department for Environment, Food and Rural Affairs, London, UK. Available online at <http://www.defra.gov.uk/animalh/welfare/farmed/layers/layerscode.pdf>.
- European Commission. 1999. "Council Directive 1999/74/EC of 19 July 1999 laying down minimum standards for the protection of laying hens." *Official Journal L* 203, 03/08/1999 P. 0053 – 0057. Available online at http://europa.eu.int/eur-lex/pri/en/oj/dat/1999/l_203/l_20319990803en00530057.pdf
- Euthanasia of Poultry: Considerations for Producers, Transporters, and Veterinarians. 1998. Center for Animal Welfare, University of California, Davis, CA. Available online at <http://animalwelfare.ucdavis.edu>.
- Report on the Welfare of Laying Hens. 1997. Farm Animal Welfare Council, London, UK. Available online at <http://www.fawc.co.uk/reports/layinghens/lhgretoc.htm>.
- Gregory, N.G., L.J. Wilkins, D.M. Alvey, and S.A. Tucker. 1993. "Effect of catching method and lighting intensity on the prevalence of broken bones and on the ease of handling of end of lay hens." *Veterinary Record* 132: 127-129.
- Gregory, N.G., L.J. Wilkins, S.D. Eleperuma, A.J. Ballantyne, and N.D. Overfield. 1990. "Broken bones in domestic fowls: effects of husbandry system and stunning method in end-of-lay hens." *British Poultry Science* 31: 59-69.
- Groot Koerkamp, P.W., and R. Bleijenberg. 1998. "Effect of type of aviary, manure and litter handling on the emission kinetics of ammonia from layer houses." *British Poultry Science* 39: 379-392.
- Guide for the Care and Use of Agricultural Animals in Research and Teaching. 2010. 3rd Edition. Federation of Animal Science Societies, Champaign, IL.
- Gunnarsson, S., L.J. Keeling, and J. Svedberg. 1999. "Effect of rearing factors on the prevalence of floor eggs, cloacal cannibalism and feather pecking in commercial flocks of loose housed laying hens." *British Poultry Science* 40: 12-18.
- Huber-Eicher, B., and L. Audige. 1999. "Analysis of risk factors for the occurrence of feather pecking in laying hen growers." *British Poultry Science* 40: 599-604.
- Hughes, B.O., and M.J. Gentle. 1995. "Beak trimming of poultry: its implications for welfare." *World's Poultry Science Journal* 51: 51-61.
- Kuenzel, W.J. 2007. Neurobiological basis of sensory perception: welfare implications of beak trimming. *Poultry Science* 86:1273–1282.

- Kristensen, H.H., L.R. Burgess, T.G. Demmers, and C.M. Wathes. 2000. "The preferences of laying hens for different concentrations of atmospheric ammonia." *Applied Animal Behaviour Science* 68: 307-318.
- Mench, J.A., A. van Tienhoven, J.A. Marsh, C.C. McCormick, D.L. Cunningham, and R.C. Baker. 1986. "Effects of cage and floor pen management on behavior, production, and physiological stress responses of laying hens." *Poultry Science* 65: 1058-1069.
- Muir, W.M., and J.V. Craig. 1998. "Improving animal well-being through genetic selection." *Poultry Science* 77: 1781-1788.
- National Research Council. 1994. "Nutrient requirements of chickens." In *Nutrient Requirements of Poultry*, 9th Revised Edition. National Academic Press, Washington, DC.
- Newberry, R.C. 2004 "Cannibalism" in "Welfare of the Laying Hen" Chapter 22. Ed. G.C. Perry. CAB International.
- Newberry, R.C., A.B. Webster, N.J. Lewis, and C. Van Arnam. 1999. "Management of spent hens." *Journal of Applied Animal Welfare Science* 2: 13-29.
- Newberry, R.C., I. Estevez and L.J. Keeling. 2001. "Group size and perching behaviour in young domestic fowl." *Applied Animal Behaviour Science* 73: 117-129.
- Pöttsch, C.J., K. Lewis, C.J. Nicol, and L.E. Green. 2001. "A cross-sectional study of the prevalence of vent pecking in laying hens in alternative systems and its associations with feather pecking, management and disease." *Applied Animal Behaviour Science* 74: 259-272.
- Raj, M. 1998. "Welfare during stunning and slaughter of poultry." *Poultry Science* 77: 1815-1819.
- RSPCA Welfare Standards for Laying Hens and Pullets. 2011. Royal Society for the Prevention of Cruelty to Animals. Southwater, West Sussex, UK.
- Von Essen, S., and K. Donham. 1999. "Illness and injury in animal confinement workers." *Occupational Medicine* 14: 337-350.
- Wang, G., C. Ekstrand, and J. Svedberg. 1998. "Wet litter and perches as risk factors for the development of foot pad dermatitis in floor-housed hens." *British Poultry Science* 39: 191-197.
- Webster, A.B., D.L. Fletcher, and S.I. Savage. 1996. "Humane on-farm killing of spent hens." *Journal of Applied Poultry Research* 5: 191-200.
- Wechsler, B., and B. Huber-Eicher. 1998. "The effect of foraging material and perch height on feather pecking and feather damage in laying hens." *Applied Animal Behaviour Science* 58: 131-141.
- Wilkins, L.J., J.L. McKinstry, N.C. Avery, T.G. Knowles, S.N. Brown, J. Tarlton, and C.J. Nicol. 2011. Influence of housing system and design on bone strength and keel bone fractures in laying hens. *The Veterinary Record* 169: 414-420. doi: 10.1136/vr.d4831.

Phụ lục 1



Humane Farm Animal Care

Scientific Outreach Newsletter #1

Kiểm soát vấn đề cắn mổ nhau trên đàn gà mái đẻ trứng

HFAC đã nhận được câu hỏi của một số nhà sản xuất trứng trong chương trình về vấn đề gà cắn mổ nhau. Sau khi tham vấn với các chuyên gia về gà mái đẻ trứng thuộc Ủy Ban Khoa Học, HFAC, đặc biệt là tiến sĩ Ruth Newberry, chúng tôi rất vui mừng khi có thể cung cấp cho các người chăn nuôi những thông tin sau trong nỗ lực hỗ trợ kiểm soát vấn đề cắn mổ nhau. Phần lớn các đề xuất được kết hợp với những quy định sẵn có trong bộ Tiêu Chuẩn HFAC này. Tuy nhiên, một số thông tin nền sẽ được cung cấp thêm dưới đây.

Vấn đề cắn mổ nhau trên đàn gà:

Cắn mổ nhau là hành động ăn mô tế bào của các cá thể khác trong cùng một giống loài và là vấn đề chung trong chăn nuôi gia cầm. Ở gà mái đẻ trứng, cắn mổ nhau có thể trực tiếp từ mô, trứng cho tới lông. Mỗi lo đáng quan tâm nhất ảnh hưởng lên phúc lợi của gà là hành động mổ, gây xé thịt, rách da, và nội tạng. Vết thương (do bị mổ) nghiêm trọng ở lông đuôi có thể gây chảy máu, điều này kích thích gà tiếp tục mổ vào đó. Các vết thương chảy máu do tai nạn cũng sẽ kích thích hành vi cắn mổ nhau. Nghiêm trọng nhất là vấn đề cắn mổ hậu môn và có thể dẫn đến tử vong. Những cú mổ vào hậu môn, chúng có thể lòi ruột và lòi cả ống dẫn trứng ra để ăn. Hành vi này chủ yếu xảy ra sau khi gà bắt đầu đẻ trứng. Trong thực tiễn, vấn đề cắn mổ nhau được kiểm soát chủ yếu bằng việc cắt mỏ gà và thường xuyên giảm ánh sáng trong chuồng. Thật không may là cả hai phương pháp này đều gây những hậu quả bất lợi cho phúc lợi của gà mái.

Cắt mỏ gà

Trong nỗ lực giảm thiểu hay loại bỏ hành vi ăn thịt đồng loại, một số hộ sản xuất cắt mỏ gà khi chúng được khoảng 5 đến 7 tuần tuổi, bởi vì nếu cắt sớm (dưới 10 ngày tuổi) thì mỏ có thể sẽ có khả năng phục hồi lại.

Cắt mỏ gà có thể gây đau đớn hơn nếu thực hiện sau 10 ngày tuổi

Bởi vì lí do này, tiêu chuẩn chăm sóc động vật của HFAC không cho phép thực hiện phương pháp này lên gà lớn hơn 10 ngày tuổi.

Mặc dù cắt mỏ sẽ giảm thiểu khả năng gây sát thương lên những con gà khác trong đàn, nhưng phương pháp này không loại bỏ hoàn toàn sự kích thích cắn mổ những con gà khác.

Ánh sáng

Gà cần có tầm nhìn tốt để mổ lông, và hành vi cắn mổ nhau sẽ tăng tỷ lệ thuận với cường độ ánh sáng.

Việc sử dụng giảm ánh sáng để kiểm soát hành vi cắn mổ, bằng việc nuôi gà con hoàn toàn dưới ánh sáng mờ hoặc ánh sáng đơn sắc, hoặc đeo kính cho gà mái, đang dấy lên những nghi vấn bởi vì việc suy giảm thị lực có thể dẫn đến rối loạn thị giác, tăng tỷ lệ tử vong và giảm năng suất.

Đồng thời, khi nuôi gà trong môi trường ánh sáng mờ, thì những thời điểm như kiểm tra gà và trang thiết bị hàng ngày vẫn phải cần thiết tăng cường độ ánh sáng trong chuồng. Và quy trình này có khả năng gây ra vấn đề cắn mổ nhau.

Hiện tượng cắn mổ nhau được biết đến nhiều nhất là khó dự đoán trước, và hiện tượng xảy ra bất kỳ hệ thống chuồng trại nào, bao gồm cả chuồng nuôi 1 tầng, chuồng nhiều tầng (Aviary) và chăn thả tự do. Tuy nhiên, có nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng một số yếu tố rủi ro có thể tác động đến cả động lực lẫn kích thích thực hiện hành vi cắn mổ nhau trên đàn gia cầm.

Nghiên cứu hiện tại đang hướng đến việc xác định di truyền ở gà ít biểu lộ hành vi cắn mổ nhau hơn; tuy nhiên, kết quả của những nghiên cứu này có thể sẽ vẫn chưa thể áp dụng được thực tế tại trại trong tương lai gần. **Việc kiểm soát hành vi** được xem là phương án hiệu quả nhất, kết hợp với **đặc điểm kết cấu chuồng trại và kỹ thuật chăm sóc quản lý vật nuôi.**

Dưới đây là một số các đề xuất dựa trên các nghiên cứu khoa học về việc giảm thiểu hoặc loại bỏ hành vi cắn mổ nhau trên đàn gà. Xin hãy lưu ý rằng một số đề xuất mang tính phòng ngừa và nên được lồng ghép vào kỹ thuật quản lý chăm sóc vật nuôi bất cứ khi nào có thể:

1. Trì hoãn thời gian gà mái bắt đầu đẻ trứng cho đến khi chúng đạt ít nhất 20 tuần tuổi.

- Trong đàn có xuất hiện hiện tượng cắn mổ nhau, tỷ lệ tử vong do cắn mổ nhau bắt đầu tăng trong khoảng thời gian gà bắt đầu trưởng thành sinh dục. Trì hoãn thời gian bắt đầu đẻ trứng sau 20 tuần tuổi sẽ giảm thiểu rủi ro xảy ra hiện tượng cắn mổ nhau trên đàn gà.

2. Cung cấp chất độn chuồng hấp dẫn.

- Thiếu chất độn chuồng cho gà con trong giai đoạn từ lúc nở cho đến 4 tuần tuổi có thể cho thấy sự gia tăng về hành vi cắn mổ nhau ở gà trưởng thành.
- Nuôi gà hậu bị không có chất độn chuồng, hoặc sử dụng chất độn chuồng kém chất lượng như bào gỗ mùn cưa làm tăng rủi ro cắn mổ nhau.
- Hành vi cắn mổ nhau trong đàn chính là hành động khi gà không mổ được nền chuồng. Điều này xảy ra khi không có chất độn chuồng phù hợp.
- Giữ chất độn chuồng khô ráo. Việc sử dụng máng uống dạng treo tự động có thể gây ẩm ướt khiến cho chất độn chuồng kém hấp dẫn, đồng nghĩa với việc gia tăng hành vi cắn mổ nhau.
- Có thể hạn chế hành vi cắn mổ nhau bằng cách bố trí những bó rơm (dùng sợi rơm loại có kích thước dài, thay vì sợi ngắn) hay những khối nhựa dẻo thay vì từng hạt nhựa dẻo đơn lẻ. Khối nhựa dẻo trong ổ thay vì rơm ngắn hay là hạt nhựa dẻo.

3. Đáp ứng đủ nhu cầu dinh dưỡng

- Hành vi cắn mổ và ăn thịt đồng loại ở gà có tương quan với sự thiếu hụt về dinh dưỡng, bao gồm các khoáng chất, đạm và năng lượng, đặc biệt khẩu phần ăn thiếu Natri. Đảm bảo thành phần dinh dưỡng luôn được duy trì đầy đủ khi khẩu phần thay đổi theo từng giai đoạn sản xuất. Bất cứ yếu tố nào gây ảnh hưởng làm giảm lượng trên gà (ví dụ như thời tiết nóng, giảm uống, lạ lẫm do thay đổi chế độ ăn hay môi trường sống, thức ăn bị ô nhiễm, sự xuất hiện gà mới, sự xuất hiện của thú săn mồi hoặc các nhân tố gây sợ hãi hoặc bệnh tật) có thể gia tăng nguy cơ thiếu hụt dinh dưỡng.

4. Cung cấp thức ăn dưới dạng hạt nhỏ

- Hành vi cắn mổ lẫn nhau giảm đáng kể khi gà mái được cung cấp thức ăn nghiền thay vì thức ăn dạng viên, hoặc thức ăn vụn thay vì thức ăn viên lớn (có thể vì gà mái cần nhiều thời gian hơn để tiêu thụ cùng một lượng thức ăn tương đương dưới dạng hạt nhỏ).
- Khẩu phần ăn giàu chất xơ không hòa tan, thay vì ăn thức ăn công nghiệp (có thể do gà dành nhiều thời gian ăn hơn để đạt đủ lượng năng lượng chúng cần) cho thấy tỷ lệ tử vong do hành vi cắn mổ lẫn nhau thấp hơn.
- Giai đoạn cho ăn liên quan đến sự thay đổi từ thức ăn đậm đặc sang thức ăn pha loãng theo tuổi của gà. Nếu thức ăn pha loãng ít được ưu tiên hơn, điều này có thể giải thích cho tại sao việc thay đổi thức ăn liên tục lại tương quan với độ gia tăng hành vi mổ hậu môn ở gà công nghiệp.

5. Tối thiểu hóa khả năng gà làm quen với hành vi cắn mổ nhau

- Chuồng trại nên được thiết kế để đề phòng những trường hợp làm gà bị thương, chảy máu, và bắt/ loại bỏ những con gà bị thương hay bị chết ra khỏi đàn ngay lập tức.

6. Đảm bảo đàn gà tiếp cận đầy đủ nguồn thức ăn và nước uống

- Những con gà bị mổ thường có cân nặng thấp hơn so với những con gà khác trong đàn. Đã có những nghiên cứu chỉ ra rằng có mối tương quan giữa việc phân bố thức ăn không đồng đều và hành vi cắn mổ nhau, dẫn đến tăng trưởng thiếu đồng nhất trong đàn.
- Những con có nguy cơ dễ bị cắn mổ thường không khỏe mạnh như những con gà khác, đây là hậu quả của thân hình nhỏ bé, bệnh tật, các vết thương bị chảy máu, bị trúng bẫy hay bộ lông bị tổn thương.
- Rủi ro xảy ra hành vi cắn mổ nhau thấp hơn ở những bầy có sự đồng nhất cao về cân nặng cơ thể, thể trạng, sức khỏe và bộ lông khỏe.

7. Cung cấp sào đậu đủ cao để gà có thể ẩn nấp

- Việc cung cấp sào đậu sẽ giảm thiểu rủi ro gà bị tấn công trong giai đoạn nuôi gà hậu bị và sản xuất. Gà sử dụng sào đậu từ lúc 4 tuần tuổi sẽ giảm rủi ro vấn đề cắn mổ hậu môn trên gà trưởng thành.




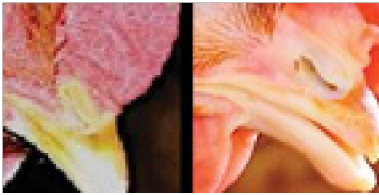


- Sào đậu giúp gà mái có cơ hội ẩn nấp hay trốn thoát khỏi những tấn công ăn thịt.
- Sự hiệu quả của sào đậu trong việc ẩn nấp tăng khi mà gà được nuôi cùng chúng ngay từ khi còn bé.
- Khuyến cáo nên có các phương pháp tập luyện cho gà cách sử dụng sào đậu để đảm bảo rằng sào đậu được sử dụng.
- Để đạt được độ hiệu quả, sào đậu nên được đặt cách mặt đất khoảng 40 cm (16 inch) để ngăn không cho những con gà ở dưới sàn có thể mổ lên trên. Tuy nhiên, không nên đặt sào đậu quá cao nếu như không muốn gà bị tổn thương khi nhảy từ trên giá xuống.

8. Cung cấp ổ để để bảo vệ hậu môn gà trong quá trình đẻ trứng

- Cung cấp ổ để khép kín và hơi tối thay vì ổ để không gian bên ngoài hoặc có đèn điện chiếu sáng.
- Nếu hậu môn bị lộ ra và dễ bị nhìn thấy trong quá trình đẻ trứng, nó có thể thu hút và kích thích những con gà khác mổ vào.

Thông tin trong văn bản này được trích từ Chương 22 “Cannibalism” viết bởi R.C.Newberry trong “Welfare of the Laying Hen” (Ed. G.C. Perry), được xuất bản bởi CAB International năm 2004. Bản PDF đầy đủ của chương này, bao gồm toàn bộ tài liệu tham khảo khoa học từ các nghiên cứu được nhắc đến, sẽ được gửi đến nhà sản xuất nào yêu cầu.



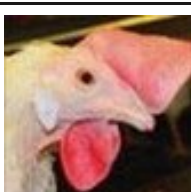
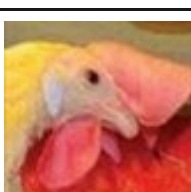
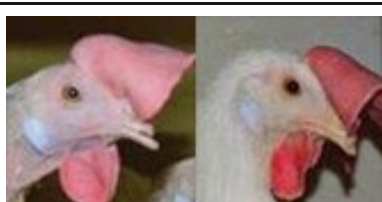

Phụ Lục 2
Chăm điểm cắt mỏ - Gà ISA Nâu

0	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không cắt mỏ 	
1	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chỉ cắt mỏ bằng hồng ngoại tại trại giống • Cắt mỏ đủ nhìn • Mỏ trên và dưới bằng nhau 	
2	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại trên ¼ mỏ • Mỏ trên mỏ dưới bằng nhau 	
3	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại trên ½ mỏ • Có sự chênh lệch nhỏ giữa mỏ trên và mỏ dưới 	
4	<p>Nếu đạt được một trong những tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại từ ½ đến ¼ mỏ • Thức ăn nén ở lỗ mũi • Mất Cân bằng giữa 2 mỏ • U thần kinh nhỏ 	
5	<p>Nếu đạt được một trong những tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại dưới ¼ mỏ • Có sự chênh lệch lớn giữa mỏ trên và mỏ dưới • U thần kinh lớn bằng hạt đậu • Mỏ bị chẻ, nứt hoặc bị tổn thương lớn 	

Phương thức: Tính điểm trung bình trên 20 con gà cho mỗi dãy chuồng. Nếu điểm số bằng hoặc thấp hơn 2,25 là chấp nhận được. Điểm số cao hơn hoặc bằng 3 thì cần phải can thiệp giải quyết kịp thời để đảm bảo quy trình cắt mỏ thực hiện đúng.

Phụ lục 2

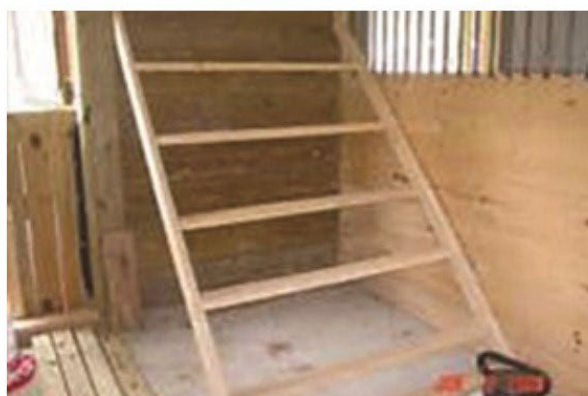
Chăm điểm cắt mỏ - Gà Trắng

0	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không cắt mỏ 	
1	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chỉ cắt mỏ bằng hồng ngoại tại trại giống • Cắt mỏ đủ nhìn • Mỏ trên và dưới bằng nhau 	
2	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại trên ¾ mỏ • Mỏ trên mỏ dưới bằng nhau 	
3	<p>Nếu đạt đủ tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại trên ½ mỏ • Có sự chênh lệch nhỏ giữa mỏ trên và mỏ dưới 	
4	<p>Nếu đạt được một trong những tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại từ ½ đến ¼ mỏ • Thức ăn nén ở lỗ mũi • Mất Cân bằng giữa 2 mỏ • U thần kinh nhỏ 	
5	<p>Nếu đạt được một trong những tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Còn lại dưới ¼ mỏ • Có sự chênh lệch lớn giữa mỏ trên và mỏ dưới • U thần kinh lớn bằng hạt đậu • Mỏ bị chẻ, nứt hoặc bị tổn thương lớn 	

Phương thức: Tính điểm trung bình trên 20 con gà cho mỗi dãy chuồng. Nếu điểm số bằng hoặc thấp hơn 2.25 là chấp nhận được. Điểm số cao hơn hoặc bằng 3 thì cần phải can thiệp giải quyết kịp thời để đảm bảo quy trình cắt mỏ thực hiện đúng.

Phụ Lục 3

Sào Đậu



Phụ Lục 4

Một số phương án xây dựng chuồng trại

Chăn nuôi trên đồng cỏ: 10 m²/cá thể (108 ft²), gà có thể tiếp cận không gian ngoài trời quanh năm



Chăn nuôi bán chăn thả: khoảng 0.19 m²/ cá thể (2 ft²) cho ra ngoài tùy thời tiết cho phép



Chuồng nuôi Cage-Free kiểu 1 tầng (sàn tách biệt với phân gà); mật độ thả 0.11 m²/ cá thể (1.2 ft²)



Chuồng nuôi Cage-Free kiểu 1 tầng: 0.14 m²/ cá thể (1.5 ft²)



Gà mái nuôi trong hệ thống chuồng cage-free kiểu 1 tầng đang đứng trước ổ đẻ



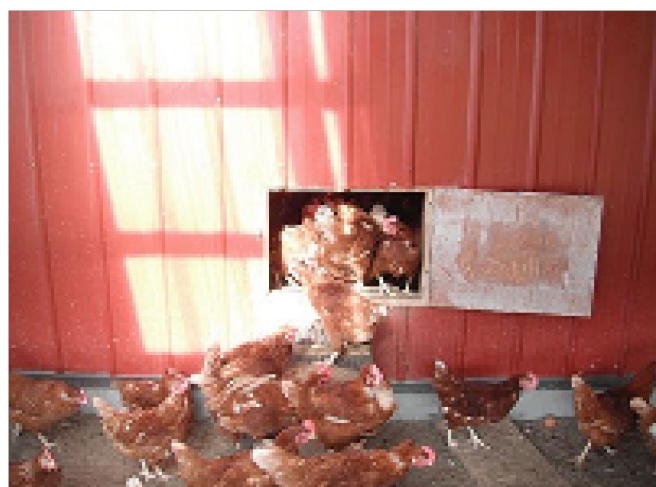
Hệ thống chuồng nuôi cage-free kiểu nhiều tầng (Aviary): mật độ thả 0,09 m²/ cá thể (1 ft²)



Gà nuôi trong chuồng vào mùa đông



Cửa ra





Animal Care Standards
Certified Humane®
Humane Farm Animal Care
Phiên bản 21

Copyright by Humane Farm Animal Care.
PO Box 82, Middleburg VA 20118
All rights reserved.